

TRỊ TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

- | | |
|--|-------------------|
| * Một đoạn lịch sử ngoại giao... | Hoa-Bằng |
| * Một quyển sách nói về kinh tế học | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Con hồ « ngoại giao » của dân Đại Việt | Song-Cổ |
| * Tùy bút | Thi-Nham |
| * Nam dân bát châu thi thảo | Tùng-vân Đạo-Nhân |
| * Đại nam dật sự (XXXVII) | Ứng-hoà |
| * Tài liệu đề đình chỉnh những bài văn cổ (LX) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Dịch thơ Đường | Trúc-Khê |
| * Bàn góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam | Đào-trọng-Đá |
| * Những ông nghề triều Lê (LXXXVIII) | Ứng-hòa |
| * Ca dao mới | Lãng-ngâm-Tử |
| * Bốn năm qua | Nhật-Nham |
| * Ba người thợ cày mẫn (II) | Lê-Thanh |
| * An-Tư, tiểu thuyết (V) | Nguyễn-huy-Tướng |

0 \$ 50



MỘT ĐOẠN LỊCH SỬ' NGOẠI GIAO

giữa Ta và Tàu hồi cuối thế-kỷ thứ XVIII

HOA-BÀNG

Sau khi quân Thanh đại bại dưới bóng cờ thiện-chiến của trang anh, hùng nước Nam Cà-Long nghĩ đến rằng cấm giặc, đòi Tôn-Sĩ Nghi về kinh hậu cứu, cử Phú-Khang-An (1) làm tổng đốc Lương Quảng (Quảng đông, Quảng tây), đốc suất binh mã chiêu mộ, đem 50 vạn quân, định ngày kéo đến ải Nam-quang, chực quyết một phen sống mái với ta để rửa cái nhục-thù tận trước (hỷ đấu, 1789).

Nhưng, còn đang trừ trừ trước cái mun-dinh ấy, Khang-An đã được ngay một bài học rước mất: 20 quân của Sĩ-Nghi nào đâu đâu cả? Bây giờ chỉ thấy chiếc thuyền lênh lênh, trôi lững trong bộ áo một vầng trăng bạc-trần, chết lỵ trên vầng trăng An lại phóng vào eo-võ của vua Quang-Trung và khi-dêm của quân Tây-sơn, nên không nên ngại với lo c. ư «chien», om lay chur «hoar», nung kiết, lột miệng bằng cau đạo-cư giả: «Nam, bảo là được binh lửa, tại là phú lộc cho sinh-linh và cũng là cái may to cho kẻ biến-thần.»

Đại Việt đại thần 1. Những vua Quang-Trung định tạm gác binh đao, muốn giải quyết việc giao-thiệp với nhà Thanh bằng cách hòa bình.

Dan Tàu bấy giờ vì tin lời đồn-đá, tướng Tây-sơn kéo tạt sang tận nội địa lâu kiệt tuyệt gông khóa, nên họ mới nôm nao kéo nhau chạy trốn! Thực ra, bên trong

vua Quang-Trung, khi đó, chưa hề có ý xâm-lược nước Tàu. Chính ngài đã tỏ ý ấy trong thư viết cho Khang-Hùng-Nghiep, binh-bị-đạo ở Quảng-tây: «Bộc lòng vô xâm biên, phạm cảnh dĩ đảo lợi vu Thượng-quốc.» (Tôi không hề có ý xâm phạm biên cảnh để được lợi với Thượng-quốc).

Vì ngài nghĩ: nước nhà sau cơn nguy-biến, nguyên-khi đã kiệt, cần phải bồi-dưỡng lâu lâu mới khôi phục được nguyên trạng. Thế nên chính-sách khôn-khéo bấy giờ là lấy phần làm hòa với Trung-đế, nình có đủ thì-giờ mà mài nanh, rửa vuốt đã.

Kế-lược ấy đã định, nhà tự-lệnh Ngô Thi-Nhậm cử việc đi theo (cư dương do vua Quang-Trung đã vạch sẵn lộ hien hành công-việc ngoại-giao).

Bấy giờ nhà Thanh đã «sét» có ý muốn hòa, nên Tả giang-binh-bị đạo Thanh Hùng Nghiep gửi mật thư cho Tây-sơn, gợi ý bảo vua Quang-Trung nên nhân dịp này nhận-lòng cho kéo mà lên thời «hắn» Lê, Nghiep sẽ đứng trong năm giúp cho «cớ» g. nên việc.

Bằng-giọng «trịch thượng» kèm lịch sự và vụng ngoại-giao, tờ mật thư ấy của Nghiep đây:

«Xét ra họ Lê bên An-nam thần-phục Thiên-triều đã lâu, một sớm bị họ Nguyễn Tây-sơn nhà người (1) chiêm đoạt mất dõ thành, nên Hoàng đế (chỉ vua Thanh) phải sai tướng đem

binh ra, khỏi cửa ải, khôi phục đất nước cho họ Lê, và cứ cho vẫn được nối chức chịu phong như trước. Chẳng dè Lê-Duy-Kỳ đón kếm, vô tài, không thể dấy nhưc làm được trò trống gì cả song cứ dặt mệ chạy trốn, đến nỗi làm cho nhà Lê không ngóc lên được! Từ đây về sau, Thiên triều quyết không thể đem nước An-nam mà giao cho Lê-Duy-Kỳ nữa.

«Họ Nguyễn Tây-sơn nhà người (1) nên nhân trước khi chưa có chỉ dụ, mau mau làm biểu đem sang đây, gỡ cửa kềm với Đại Hoàng-đế (vua Thanh) rằng Lê-Duy-Kỳ không được dân vọng vọng vào, nhân dân bỏ-vơ tan đi bốn ngả, bắt-đầu dĩ lợi phải đem binh ra, thay nhà Lê mà võ-về dân chúng. Nay ngờ-dợ đường-tam linh gặp phải quân nhà vua dụng ai họ giết này: tình thế dữ-dội lắm (1). Nếu chúng tôi bỏ tay chịu trời thì thế nào cũng đến bị giết hết sạch (1).

«Vì vậy dám di-binh (1) di-mục (1) theo lời phải hết sức chống-cự lại. Chúng tôi tự biết thế là có lợi (?) nặng lắm. Hiện nay, tôi đã tra xét hai người chống cự thiêu-binh, (quân Thanh) ấy, đem ra trị tội cho chín pháp cả rồi.

«Rồi nên nhờ người tâu xin với Đại Hoàng-đế (vua Thanh) cúi thương thói họ (1) không

biết gì, uốn theo lời xin mà dẫn lòng tha thứ. Nên chẳng cứ đề Lê-Duy-Cần đứng giám-quốc? kính xin Nhà-vua ban biểu chỉ phán bảo cho.

« Đặt lời cung thuận như vậy, chắc được Đại Hoàng để soi xét lòng thành, sẽ cho nhà người (1) chủ-trì việc nước. Bấy giờ sẽ có thể lại sai người sang kêu cầu Thiên-triều ban cho ân-diễn (chỉ việc cầu phong).

« Bản-dao (Tbang-Hùng-Nghiệp tự xưng) nhân vì giữ chức ở biên-giới, tương lai có rất nhiều việc giao-thiệp với An-nam/Thà người (1), nên phải viết thư kín này mà ngỏ ý cho biết.

Thuận theo thì được phúc, trái nghịch thì phải vạ, /lời nhà người (1) tự chủ đây...» (dịch theo nguyên văn chữ Hán) (2).

Nhận được bức mật thư ấy của Nghiệp, vua Quang-Trung biết người Thanh ra mặt làm hòa, chứ chẳng dám giở trò gì nữa, nên mới chịu cho người đứng lên dàn xếp như vậy. Vì thế nhà vua lại càng coi khinh « Thiên-triều ».

Chứng cứ ấy tỏ rõ ở trong tờ biểu của ngài (3) gửi cho vua Thanh Gân-Long do phó đô-dốc Hồ-không-hầu thân đem sang Tàu (4):

«... (lược...)

«... Tôi là Nguyễn-quang-Bình (5) ở kmất nẻo bên An-nam, bấy lâu vẫn được tắm gội trong thanh gươm.

« Nguyên từ hai trăm năm toi nay, quốc-vương họ Lê tôi mất quyền, việc nước vẫn do bấy tôi là họ Trịnh cầm nắm kẹp đến Tiên-vương Lê-Duy-Chuyên

(tức vua Hiệp-Tông nhà Lê) tuổi già, tiền phụ chính Trịnh-Đổng mở tôi biếng nhác: binh kiêu dân oan, trong nước rối ròi!

« Tôi vốn kẻ mặc áo vải ở Tây-sơn nhân thời-thế, nổi lên làm việc Mùa hạ năm binh-ngọ (1786) cất quân ra diệt họ Trịnh, trả lại nước cho nhà Lê.

« Năm ấy, (binh-ngọ 1786) Tiên Lê-vương tạ thế (6), tôi lại phò lập tự tôn là Duy-Kỷ (Chiêu Tể) lên rồi ngôi. Duy-Kỷ là người dân hạ, không lo chính sự nước nhà: trog thì kỷ cương, rồi bết ở Triều-dinh ngoài thì gây thêm kiêu với biên-giới. Lại (òn hãm hại kẻ trung-lương, gết chết người đồng lòng là khác nữa: Thân, dân trong nước chạy đến kêu-lễ với tôi, nài xin đem binh ra trừ kẻ loạn.

« Tôi nghĩ: trước nay là nước đã được Thiên-triều phong cho tôi dân dấn tự mệnh là « vế » p'ê-truật?

« Mùa đông năm d'ni m'ul (1787), tôi sai một viên hầu tuơg đem quân ra tới tỵ những kẻ ở bên ta hứu giúp K'ệ làm xằng thì Duy-Kỷ lại sợ bóng sợ gió, d'rong đêm chạy trốn, tự huac lấy cái lo vào mình.

« Mùa hạ năm m'au-th'ac (1788), tôi tiến đến đô-th'ach nhà Lê, lại giao cho Duy-Cần, con Tiên Lê-vương, giữ lấy nước, coi việc th'ự-tự. Tôi từng sai sứ-giã sang g'ỏ ỉa ải, lòng đem hết nội tình trong nước mà trình bày.

« Nhưng mẹ Duy-Kỷ đã trước sang Đ'au-áo ải (có sách viết là « Khả lưu ải ») kêu-lễ xót xa với Tôn-Sĩ-Nghị, t'ong-dốc Lương Quảng, rồi lần lượg cầu cứu.

« Sĩ-Nghị là kẻ đại thần ở bên trong, đáng lẽ phải xét kỹ căn do, dò tìm cái cớ tại sao Duy-Kỷ lại trốn bỏ nước và tại sao tôi phải vào nước, rồi tầu cùng đức Hoàng-đế, lợi Ngài phán xử để dẹp « rối loạn »

(Còn nữa)

HOA-BẮNG

1) Tự là G'iao Lâm, họ Ph'á x'at người M'ân thanh (theo « T'anh' « u sư lược » của Tá-d'ang Sở Tài qu'ên 7, tờ 23) được về dinh Hoàng kỳ. Trong An-nam n'it th'ong chỉ chép là Ph'ac Long An.

2) Bức thư của Nghiệp này và bài t'ien của Quang-Trung dưới đây đều là những bản sao-lạc, viết tuy, chép trong « Tây sơn bang-giao tập sách trường bác cổ » chữ th'au l'it, có nhiều chữ rất khó xem. Tôi phải lựa ý mà dịch. Trong có ít chữ lại viết ch'ậy cũng sẽ s'ách đôi chữ, nhưng tinh thần và nguyên ý thì quyết đúng không sai.

Ngayđi và bằng chữ Hán do Ph'ac hay L'ch làm Đ'it th'ê l'it giống bài « K'ệ d'au xu'ân th'ong khoa b'ien » chép trong G'lu an v'ân tập, để nhất sách (sách viết trường Bắc-cổ số A 604), tờ 23 a 25 đ. Nhưng bản chép trong « G'lu an v'ân tập » chừng là bản sao s'it lại cho khỏi có g'lop khiêu khi'ch - Bản dịch đây tham b'ac cả sách này và « Tây sơn bang-giao tập », cũng Đại Nam chính biên l'it l'uyện »

(4) Đây theo « Tây sơn bang-giao tập ». Còn theo « G'lu an v'ân tập » (tờ 25 a) thì chuy'ên đem đồ cống và để bức biểu v'ân này sang Tàu có hạt v'j sứ-giã là Nguyễn H'ĩa-Ch'au và Vũ H'ay Ph'ac.

(5) Một tên khác của vua Quang-Trung.

(6) Vua Lê Hi'ên Tông (1740 1786) mất ngày 17 tháng 7, năm binh-ng' (1786).

Một quyển sách nói về Kinh-tế học

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TO

Ông Nguyễn Hải Âu mới biên khảo một quyển *Kinh tế học phổ thông* cho từ sách « Tân Văn hóa » in trong tạp-chí *Văn Mới* số 28-29, ra ngày 25 tháng 2 tây năm nay. Sách dày 237 trang. Văn rất tự-nhiên, nghe dễ hiểu lắm. Giá cứ theo những sách kinh-tế của tây, như quyển Charles Gide *Eléments d'économie politique* Julien Bui el, *Notions d'économie politique*, v. v. là những sách đã thông dụng, thì những người không thạo văn tây sẽ được lợi nhiều. Nhưng ông lại không theo hẳn, tuy có dựa vào sách tây, nhưng xếp đặt không có lần lượt rõ ràng, thí dụ phần thứ nhất nói về sản-xuất, có bốn chương : « 1 là những động lực xuất sản, 2 là cách tổ chức xuất sản, 3 là những lĩnh vực tập trung lực lượng xuất sản, 4 là Khủng hoảng ». Các sách phổ-thông về kinh-tế học của tây không xếp như thế, bắt đầu nói về tiền-địa, thứ hai đến tác dụng, thứ ba đến công-nghệ, thứ tư đến tư-bản. Sách của ông Âu nó « chương từ 1 về động lực xuất-sản », thì trong chữ động lực cũng có nghĩa tiền-địa, nhưng lại thêm cả nghĩa nhân công, và nghĩa tiền-tài ; sách tây nói tác-dụng, công nghệ rồi đến tư-bản, tức là chương thứ tư mới nói về tư-bản, mà sách của ông Âu lại nói « chương thứ 4 là Khủng hoảng » ; có lẽ như thế không được rành rẽ cho lắm.

Đến những câu thí-dụ ông cũng không biết lựa chọn ; đáng lẽ ông

lấy ngay những thí-dụ ở bên ta, thì người xem quốc-ngữ mới dễ hiểu ; đây ông lấy những thí-dụ ở bên Tây, thành ra người mình xem không khỏi ngạc nhiên vì người đọc quốc-ngữ không thạo chữ tây, đã ki-ô-ang đọc sách tây thì ít người biết tình hình bên tây thế nào, mà hiểu nội câu thí dụ của tây. Như trang 15, ông nói : « Thuở xưa người thợ còn đi lang thang, mang theo ít đồ dùng làm việc để kiếm nơi cầu đến nghề mình. Tình cảnh người thợ ấy gần như tình cảnh người thợ cối xay ở vùng thôn quê ta ». Ông nói thế, không dùng, cảnh xã-lội ta bây giờ, hãy còn nhiều nghề phải đi chứ không riêng gì người thợ đóng cối xay, ngày nay Hà nội Hải-phòng còn nhan nhản những thợ mộc vác trảng đục, thợ sơn ta đem mặt cửa và chếp sơn, thợ đóng tủ, thợ chữa kho, đi ngoai đường ; thế mà ông Âu nói « người thuở xưa » có phải là cảnh bên Tây không ?

Ông lại thí dụ nhiều câu quá lạ-lạ, như trang 18, có câu : « Một chiếc sắt, một cây lim, 50 người trong một giờ có thể kéo đi được một đoạn đường chừng vài ba trăm thước, ấy thế mà cứ để một người làm tuôn trong 50 giờ hoặc hơn nữa, thì đầu vẫn nguyên đó, không hề chuyển đi được một ly ». Luật lao-động ngày trước thì một tuần lễ làm 40 giờ, hiện nay cũng có khi làm đến 50 giờ, hay hơn 50 giờ, ông thí dụ 50 giờ tức là một tuần lễ,

nhưng không ai lại giao một khối sắt, một cây lim cho một người thợ kéo trong năm sáu ngày, mà kéo một ngày không chuyển, thì phải tìm phương-kế khác, không ai để đến một tuần lễ, mà đầu vẫn nguyên đó !

Thiết tưởng khoa học kinh-tế, chưa mấy người làm ra sách quốc ngữ, mà lại dẫn những thí-dụ không hợp cách như thế, thì ai tin là môn học kinh-tế có quan hệ đến sự sinh-sản, sự lưu-thông, sự phân-phối và sự tiêu-thụ trong nước ? Chính ra môn học kinh-tế rất có ích lợi, giúp đỡ cho đời nhiều lắm ; nguyên hai chữ ấy do chữ « Kinh bang tế thế » của Tào nghia là « sửa sang việc nước giúp đỡ cho đời », sau mới thiên dùng ra nghĩa « lý tài » nhưng nghĩa này là nghĩa hẹp, chỉ là một bộ phận trong kinh-tế mà thôi.

Ông Âu dùng những câu quá đáng, như trang 21, ông nói : « Làm xong được một công việc, người thợ có cái tật (1) là phải ngấm đi ngấm lại, xem đã vừa ý chưa... » và trang 24 có câu : « Người ta có thể nói muốn sống việc ở trong công trường được hoàn toàn, cần ngu si (1) hơn là thông minh ». Dù đứng vào phương-diện nào, cho là phương-diện sản xuất nữa, cũng không nên dùng những chữ như chữ « tật » mà gán cho người thợ, cả chữ « ngu si » cũng vậy. Đây là ông không hiểu rõ những sách nói về kinh-tế nên ông nhận nhầm như thế. Cho-

là người tham việc đến đâu, cũng không cấm người họ ngấm lại đồ mình làm. Còn như phần công mà bảo ngư-sĩ hơn thông minh, thì ít ỏi là không biết trọng nhân-nhân. Có lẽ tại ông xem ở quyền sách tây nào đó, có những chữ quá đáng như chữ « nhân loại tư bản » (capital humain) : chính những chữ ấy người Tây cũng đã kêu vì sợ coi người cũng như đồ vật thì còn gì là loài người?

Đây là mới nói 24 trang tròn, nếu xét đến cả quyển, thì còn nhiều chỗ phải chữa như thế, cũng đáng tiếc cho một quyển sách, văn quốc, giữ được thông hoạt mà dùng nhậm chữ, thành ra giảm mất một phần lớn giá trị.

**

TRẢ LỜI BẢO THANH NIÊN

Bảo Thanh-niên, số 36, ra ngày 15 tháng 6 tây vừa rồi, lại có bài Về vấn đề chữ « thả » và « chẳng thả ». Bài này cũng như bài trước (dăng ở Thanh niên số 33) không trả lời được câu nào, nhưng đã thú nhận là bẻ xằng.

Trước kia Thanh niên (số 28, ngày 11-3-1944, tr. 6) đăng ở mục Thấy đâu nói đó mấy dòng như thế này (ôi sao lại nguyên-vấn đề độc-giả so với lời thú nhận của Thanh niên đăng lại dưới này):

« Tri-Tân số 119 trang 10, ông Nguyễn văn Tố có (l) viết: « Ta sắp vì đạo Nho mà làm quan, thì đạo Nho không thi hành được, ta sắp vì cha mẹ mà làm quan, thì cha mẹ không còn, chẳng thả chết già ở đây còn hơn ». »

« Tại sao lại viết chẳng thả? Chữ Thả, tức là dịch chữ Nễ ra, ... có nghĩa là: « đánh thối còn hơn ». Trong Việt-Nam Tự Điển về chữ Thả có mấy ví dụ: « Thả chết



không chịu được. ... Để con chẳng đặng chẳng rần, Thả rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng. ... Thả rằng chẳng biết cho xong. Biết bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu. »

« Chữ « chẳng » có nghĩa là không, vậy để chẳng thả là nói lại (l) với ý muốn (l) của mình sao? »

Tôi đã trả lời trong Tri Tân số 136 và số 143-145. Nay Thanh-niên chịu rằng: « Chữ Chẳng thả nếu dùng riêng ra, thì có khi người ta cũng dùng lẫn với nghĩa của chữ Thả... » (Thanh-niên, số 36, ngày 15-6-44, tr. 11).

Thế sao ba tháng trước Thanh-niên lại hỏi « để chẳng thả là nói nghịch lại (l) với ý muốn (l) của mình sao? »

Nhưng thôi! Đã chịu thú là được rồi (l).

Sở dĩ tôi phải viết thêm mấy dòng này, là tại Thanh-niên lại mới bịa ra một câu ngộ-nghịch như thế này: « Nói rằng « Thả » và « Chẳng thả », đồng một nghĩa với nhau, vậy thì trong câu « Thả chết, Chẳng thả nhục » mình muốn cái gì? Thú thật, tôi không hiểu nổi. ... »

Thanh-niên không hiểu nổi là tại Thanh-niên bịa chữ « chẳng thả nhục », chứ nguyên văn của

người ta là « Thả chết không nhục »: như Thanh-niên đã chép đúng như thế trong số 23, ngày 11-3-1944, tr. 6, cột 3, dòng 16 (tôi vừa sao trên này).

Tôi mới biết cái mảnh kén của Thanh-niên trước còn « thấy đâu nói đó »; vì không thấy chữ « chẳng thả » trong Việt-Nam tự điển, nên hỏi một câu rất là đơn-dở, mà lại từ cái kén của mình ra; — sau tôi vạch rõ chỗ nhầm, thì Thanh-niên đòi ra thủ đoạn « bịa ra một câu », bịa ra những « nguyên bản », « không nguyên làm đứt con trâu », làm cho ai cũng phải sợ người; — cùng kỳ lý, phải thú nhận là « chữ Chẳng thả... của tôi dùng lẫn với... chữ Thả », như họ muốn cho cái lỗi của mình đi, mà bịa ra câu « Thả chết, chẳng thả nhục », làm như đội giả Thanh-niên toàn là những tuồng tởm cười sao nghe vậy, không ai nhớ, ai hiểu gì hết!

Lại viết phúng câu vô lý như thế này: « tôi không thấy ông tôi được bước nẻo khác hơn kỳ trước... Thế nào gọi là « tiến »? Người ta dùng đúng nghĩa, mình sai, người ta sai, nay lại bảo người ta « không... tiến » là thế nào? Nếu « tiến » thì thành ra người ta lại theo cái sai của mình ư? »

Có phải là « đánh trống lảng » không? Nhưng nào có thể mà thò đầu, lại còn đặt chuyện về vụ-bóc độc-giả, như chuyện «... tìm bắt những chữ bét chữ sai (l) để khỏi phải đăng lại nguyên-vấn bài Tri Tân... và cũng dễ để họ trích sự thiếu... » (2).

« Trích sai » chỗ nào? Sao không dẫn ra? Nói vu-vơ như thế, không sợ bà « bốn nhà » mà ông rằng: « Thanh-niên bây giờ cũng đều như thế ư? »

(Xem tiếp trang 11)

Việt sử mỹ đàm

Con hồ « ngoại giao » của dân Đại Việt

Đời vua Lê Đại-Hành (980-1005) xưa, nước ta đã có chuyện đem con hồ làm « quà ngoại giao » cho sứ Tàu.

Nguyên, bấy giờ vua Lê Hoàn, sau khi phá Tống, đem vận mệnh cả nhân-dân xã tắc xứ này bằng một bàn tay đầy oai thế.

Nhất Tống, vì việc thông-sứ, có sai Tống Cao sang ta.

Đề uếp sứ Tàu, vua Lê có sai vài mươi người mang con rắn lớn dài tới vài mươi trượng, để cung làm món ăn cho sứ-giã nếu sứ-giã có can-dam dấn dùng.

Ngài lại sai đem đến hai con hồ buộc lại, để sứ-Tàu muốn xem lúc nào thì xem (1).

Việc đề uếp sứ-giã một rắn và hai hồ như vậy thật là khéo thấy tròn trườg ngoại giao quốc-ố.

Nhưng đó là chuyện đã lâu đời. Trên đoạn lịch sử cận-dại của ta lại còn có chuyện lấy hồ làm món ăn uếp sứ, với người ngoại quốc nữa.

Tại sao lại vậy tôi xem thấy trong truyện « Nguyễn Văn-Duyệt » ở bài « Việt-nam danh nhân đặt sự,

IV » của Trần Long đăng trên tờ Nam-phong tạp 2, số 6, ngày 10 juin 1944, trang 23, xuất bản ở Chợ-lớn. Vậy xin trích dịch ra đây để làm thiện giao-thuại trên sử dân.

... Năm 1813 Lê Văn-Duyệt làm tổng trấn Gia-dinh, trong cõi yên ổn, bốn phương phục. Lê từng dẹp yên cuộc nội loạn nước

« Có lần, sứ Miên vào yết-kiến, gặp Lũ Lê đang uống trà bầm với đường phèn, nhai ròn rau-rầu. Bấy giờ người Miên chẳng biết đường cát, chưa biết lối chế đường phèn, nhân hỏi Lê ăn cái gì thế. Lê nói đùa rằng ăn « trứng đá ». Sứ Miên sững-sốt lạ lùng, coi Lê là bực Thiên-thần. Rồi đồn-đại

diễn trò đánh cạp. Quân và dân dự xem có tới vài ngàn người. Khôi cỡi trâu, đóng khố, tay trái cầm cái chân gò lợn, tay phải cầm thanh thiết-giản, xông-sốc đến mở cửa chuồng. Nào ngờ cạp tính rất hung-dữ, xông ra cắn vồ. Khôi né mình rồi vượt lên, hươu cây thiết-giản đánh on cạp

ngã lăn ra. Người xem ai cũng tỏ vẻ khen ngợi không ngớt. Chỉ riêng có Lê gả cách nài giặc, trách khời-xổ tội trái lệnh, sao không bắt sống lấy con cạp dữ. Liền đó Khôi lại bêu-diễn lần nữa : cỡi trâu, tay không, đấu sức với con mãnh hổ. Bỗng bề chông trống âm-âm trợ oai, làm cho trời rung đất chuyển. Giốc lát, tiếng ồn-ào bỗng im bặt, chỉ thấy Khôi vật ngã cạp cạp dữ, trối ghì lại, đến đến đến đứt đứt mệnh.

« Sứ Miên sợ run rắt sắc, tán thán là một cuộc kỳ quan. Còn Lê thì thần nhiên mỉm cười, bảo sứ Têm : « Đạn vêu tốt ở bờ hạ tôi rồi như thế cả, có gì đáng lạ ! »

Xem hai « chuyện lịch-sử » trên đây, đủ biết « con cạp Đại Việt » thừa xưa

cũng đã làm cho nhiều bạn láng-giang phải kinh hồn nất vía.

SÔNG-CỎI

(1) Việc này có chép trong « Lịch-triều hiến chương - Bang giao thi » của ta và trong « Văn hiến thông khảo » của Tàu. Ứng-Hồ tiên sinh đã nói đến trong bài « An-sở Nam ta về đời Tiền Lê » đăng ở Tri-Tân số 3 trang 9

Thơ dịch

KÝ HỮU

Loạn hậu thân bằng lạc điệp không.
Thiên biên thư tín đoạn chình hồ.
Cổ viên qui mộng tam canh vũ
Lữ xá ngâm hoài tứ bích trà.
Đỗ lão hà tăng vong Vy-bắc,
Quần Ninh gio tự khách Liêu-dông.
Việt trung cố cựu như tương vấn.
Vị đạo sinh nhai tự chuyển bằng.

Nguyễn Trãi

Dịch:

Sau cơn loạn lạc bạn bè thưa,
Thư tín bên trời vắng nhận đưa,
Vườn cũ giấc mơ mờ lẫn mộng,
Quê người bốn vách rế ngâm thơ.
Quần-Ninh còn ở Liêu đông mãi,
Đỗ Lão nào quên Vy bắc xưa.
Bạn cũ hỏi thăm, nhớ nói hộ:
Sinh nhai luôn-quần tựa gông tơ.

Thị-Nhan

truyền đi, trăm họ lại xàng-xơ và phục Lê Tông-Trần.

« Dưới đời ấy, Gia-dinh có cõi sở thú rất rộng, nuôi đến vài trăm con hồ dữ, mỗi con ở riêng một chuồng gỗ.

« Có một năm, Lê muốn diệt vô dương-vực cho thờ: sứ Têm la đến. Lê sai con mới là Lê Văn-Khôi-truyền sắc quân lính hiền-

NAM ĐÀN BÁT CHAU TH THẢO

Tác-giả TÙNG-VÂN đạo nhâm

LXXIV

Phủ-đắc : quả mai, ba bảy còn vừa. »
(Phê Kiều 39)

Về cúc lan, vốn dòng nhà điểm ;
Bầy dù ba ? Nay li ỷ đếm quả mai
Tuyệt sượng mưa nắng đòi hỏi ;
Sẽ tuy có rụng, xuân thời vẫn xanh.
Chương-dài nọ, thương liễu dĩnh tư bề.
Cầm dờng nay, mừng hạnh vẻ hoa chào.
Nghĩ-gia nết khúe yêu-dào ;
Câu chuyện xe vào, ai chớ gạt đi.

Chú-thích

Quả mai = Kinh Thi : « Tiểu hĩa mai, kỳ thực
tầm hễ, kỳ thực thất hễ, » nói người đàn bà đã
nồng tuổi, ví như quả mai đã lác-đá rụng, lác
mong thành ra thất, « Sểu » nghĩa là rơi rụng.

Nghĩ già = Kinh Thi : « Đào chi yểu yểu, kỳ
diệp trần trần, chi tử vu-quy, nghĩ kỳ gia-
nhân. » Nói người con gái trong tuổi đào non,
mà có hễ-đức, khi mới về nhà chồng. « Nghĩ »
là ý hóa-thuận.

LXXV

Phủ-đắc : « Đem tình cầm sắt đòi ra cầm kỳ »
(Phê Kiều 40)

Tư-mã với Bà-Nha phiến đàn so khác
Ai biết phương đòi-chắc ấy cho không ?
Ngọc-dường kim mã vui chung,
Phân ngoài đòi lửa, nghĩa trong bực bề
Khí hoa nở, bắt phe chuông trống,
Lúc trăng lên, bầy cuộc rượu thơ.
Biết nhau trên ngón đường tơ,
Yêu nhau trong thú nước cờ ngày xuân,

Chú thích

Tư-mã = tức Tư-mã Tương-Như, kẻ « Phương
cầu hoàng » phiến đàn so về soạn điệu vợ chồng,
tức là ý nghĩa cầm sắt.

Bà-Nha = tức Bà-Nha với Chung-Kỷ, cái tại
« Cao sơn lưu thủy » phôi đàn so về soạn-điệu
bè bạn, tức là ý nghĩa cầm kỳ.

Bắt phe chuông trống = Kinh Thi : « Yểu-diệu
thực nữ, chung cổ nhạo chi, cầm sắt hữu chi »,

nói sự vui vẻ về phe vợ chồng. « Đại » nghĩa là
im lặng.

Bầy cuộc rượu thơ = « cầm, kỳ, thi, tửu, » nói
cuộc nhĩ-thường ở phe bè-bạn.

LXXVI

Thục nữ trí cao thơ.

(Phê Kiều 41)

Trái trường tỏ, trường hùm, cửa không,
Chi gái này, len-lét bóng trắng cao,
Khác người sớm muộn, lối đào,
Tiếc đành yểu địa om điều kiên trĩnh
Được hoa nổi những vánh ngoài du yếm ;
Tắm gương trong thề chẳng chút bụi trần
Thanh nhân đạo truyện giai nhân ;
Phong lưu hực cổ, có văn « Quan-thư ».

Chú-thích

Len lét = Dàng lẹ trong sáng, và ý nghiêng ngả
Hát nói cò : « tâm sự này len lét bỏ g thu ba »

Quan thư = kinh Thi, thuộc Chu nam, 18,
Quan thư : « Quan quan thư cư, tại hà chi
chân ; yểu điều tước-hữ, quân tử hảo cầu »
Khen người thực-ữ có cái đức trạch-loh u nhân,
xứng đáng lứa đôi với quả-tử. « Hào cầu » nghĩa
là « lứa đôi ai lạ đẹp ấy. »

LXXVII

Phủ-đắc :

« Trời kia đã bắt làm người có thân »
(Phê Kiều 42)

Ái bèo ai gậy ai chàng-nhàng cụ thể ?
Trời ghét ai mà trời dễ yêu ai ?
Buộc cho tai mắt hình hài,
In khuôn luân lý khác loài chim muông.
Sinh, tử, giàu, sang xem chữ « mệnh »
Kinh-luân phan nhả góp vai tài.
« Khí nên trời cũng chiều người »,
Có thần ai phải học bài tu-thần.

Chú thích

Sinh, tử, giàu, sang = Luân ngữ ; « Tử, sinh
hĩa mệnh ; phú, quý tại thiên. »

Tu-thần = Đại-nước : « Thiên-lữ chi thú-nhân,
tu thần vì bản » !

Hà Đông III AN-THI

ĐẠI-NAM ĐẤT-SỰ

Số 36

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

XXVIII.— Nhã Ngô (bài nối)

Trước đây (từ năm 945 đến năm 950) Dương Tam-Kha cướp ngôi, thế là « lấy nghĩa phạm thuận », nên tông người đều giận, những anh hùng ở nơi rừng rậm « nổi dậy như ong ». Đến năm (951) Ngô Xương-Văn đã lấy lại được Cựu-nghiệp, thế mà trong nước vẫn rối loạn như cũ!

Bay giờ có một người dạn dày nhất anh-hung « không tiền tuyệt hậu » lộ đầu ra, tức là Đinh Bộ-Lĩnh và con là Đinh Liễn. Đinh Bộ-Lĩnh là người động Hoa-lư, tuổi nhỏ mà chí lớn. Nhân trong nước loạn, Bộ-Lĩnh và con là Đinh Liễn, đến vương tựa sứ quân là Trần Minh-Công. Minh-Công thấy Bộ-Lĩnh khó ngộ, mà có khí phách độ lượng, nhận giao cho việc binh. Đến khi Minh-Công mất, Bộ-Lĩnh thống-tại quân ấy, giữ động Hoa-lư, cậy có non sông hiểm trở, không chịu thần phục hai vua Ngô.

Hai vua Ngô (Ngô Xương-văn và Ngô Xương-ngập) muốn khởi binh đến đánh, Bộ-Lĩnh sợ, sai con là Đinh Liễn vào làm con tin để hoãn binh. Khi Đinh Liễn đến, hai vua Ngô bắt giam Đinh Liễn, rồi lại đi đánh, đánh mãi đến hơn một tháng không được. Hai vua Ngô bèn cheo Đinh Liễn ở trên cầu, sai người bảo Bộ-Lĩnh rằng: « Nếu không chịu hàng thì giết Đinh Liễn ». Bộ-Lĩnh nổi giận, nói rằng: « Người đại trượng-phủ cốt ở công

đanh, chứ ở bắt chước bọn đàn bà trẻ con đâu? » Nói rồi, sai bọn mời lên cấm nổ, chĩa vào Đinh Liễn toàn bắn. Hai vua Ngô thất kinh nói rằng: « Ta sợ đi theo con hầu, là định huỷ lòng bắn phải theo. Nay bắn tàn-nhĩa, như thế thì giết vô ích ». Rồi không giết Đinh Liễn mà thu quân trở về. Sau Liễn lại về Hoa-lư (Khâm-định Việt-sử, q. 5, tờ 24 a và b).

Lúc bấy giờ một nước hai vua công việc quyền hành thật là khó xử. Thiên-sách-vương (tức Ngô Xương-ngập) « ấy là anh, nên chuyên quyền oai phủ », Nam-Tấn-Vương (Ngô Xương-văn) không được dự chính-sự, nên sinh ra hềm khích; được hơn một năm, Thiên-sách-vương mất. (năm 954) Nam-tân-Vương mới thân hành chính-sự. Sai sứ sang xin mệnh-lệnh ở nhà Nam-Hán, Hán-Cuội là Lưu-Thành phong cho Ngô-vương làm Tĩnh-hải-quân-tể-độ-sứ kiêm đô-hộ (K.đ., q. 5, tờ 25 a và b).

Về việc Xương-Văn sai người sang Nam-Hán, sử Tàu chép rằng: « Năm thứ 12 của Lưu-Thành (954) nhà Nam Hán, Ngô-xương-Tuân (chính là Xương-Văn của ta) ở Giao-châu sai sứ xưng-thần, xin tiết việc, Xương-Tuân là con Ngô-Quyền, từ đời Lưu-Cung, Ngô-Quyền giữ Giao-châu, Cung sai Hồng-Tháo (tức Hằng-Tháo) sang đánh, Liễn-Tháo bị chết trận, không sang đánh nữa. Ngô-Quyền chết, Xương-Ngập nối ngôi,

Xương-Ngập chết, con là Xương-Tuân nối ngôi, mới xưng thần với Lưu-Thành, Thành sai cấp-sự-trung là Lý-Dữ, đem tinh-tiết sang chiêu dụ, Dữ đến Bạch-hải, Tuân sai rờn ngăn cản nói rằng: « Gạo hồ làm loạn, đừng xa không đi được ». Lý-Dữ đi không đến nơi (Tân-Ngũ-dại-sử, q. 63, thế gia, tờ 3 b và 4 a).

Được ít lâu, nước ta có Chu Thái là người quận Thạc-giang, quê hương không phục, Nam-Tấn-vương thân hành thêm được Chu Thái. Quen thói thắng trận, sinh kiêu, nên mới mai nọ (K.đ., q. 5, tờ 26 b dẫn sử Ngô-thời-Sĩ).

Nguyên năm ấy-sử (965) là năm thứ 15 của Nam-Tân-Vương, có hai thôn Thái-bình và Đường-nguyên, đã lâu gần không theo mệnh lệnh, Nam-Tân-Vương thân đem quân đi đánh hai thôn ấy, quân đến nơi, vua dùng mưu đuổi bắt, lên bờ để đồ chiến, bị mũi tên phục bắn phải, mất ở trong quân (Đại-Việt-sử-ký, tiền-biên, q. 7, tờ 42 a). Thế là Xương-Văn làm vua được 15 năm, (951-965), từ bấy giờ trong nước không có vua, mới nổi lên thời-kỳ 12 sứ quân để thêm giả-tị anh-hung cho Đinh Bộ-Lĩnh.

Về việc Phạm-Lệnh-công giết Ngô-Xương-Ngập ở Sơn-dộng, để thoát khỏi cái lệnh nghiêm-ngặt của Dương-Tam-Kha, sử nhà Ngô-Sĩ-Liên hàn rằng: « Phạm-Lệnh-công thật là người dụng-tâm trung nghĩa! Trong khi Tam-Kha là kẻ gia-thần, duỗi con dích của chủ mà cướp ngôi vua, lại lấy Xương-Văn làm con mình, việc làm giả dối, ai mà không biết; người trong nước bấy giờ ai cũng phải nhận Tam-Kha là vua, thế mà

Phạm-Lệnh-công dạm giãu Xương-Ngập, là muốn cho họ Ngô không đến nỗi tuyệt-tự. Cái việc, Trình-Anh chữ-cửu lại ti ấy bồi hầy giờ! A' dạm bảo một nước lớn như nước ta mà lại không có trung-thần nghĩa-sĩ? (K. đ., q. 5, tờ 21 b 22 a).

Sử-thần Ngô-thời-Sĩ có bài khen Phạm-Lệnh-công rằng: « Tam Kha là chỗ thân-thuộc ngoại-thích, nhận lời gửi tâm-phúc, thế mà lừa dối bỏ rơi, khinh người góa-bụa, làm những việc thoán nghịch; nhưng khi đã cướp ngôi của họ Ngô, lại nhận Xương-Văn làm con mình, tại sao? Vì Xương-Văn tất là Dương-hậu sinh ra, lúc ấy tuy Dương hậu không tự trông nom lấy nước, nhưng cũng giúp đỡ các con. Đối với Tam-kha lại là tình cậu cháu, nên không nỡ; Đến Xương-Ngập tất là anh thứ của Xương-Văn, cho nên tìm bắt rất gấp, cam tâm làm điều bất-nghĩa! Ấy ngoại-thích làm hại quốc-gia của người như thế! Ngô-Quyền tuy là người anh-hùng hào-khiet một thời, mà không biết xưa nay giao chính-sự cho mẫu-hậu, gửi con mồ-côi cho ngoại gia, rồi đến rửa ngọc đổi dôi. Xương-Văn sẽ đi còn hơi thở ở nơi tặc-thần, Xương-Ngập sẽ đi còn sống sót ở tay nghĩa-sĩ, đều là có lẽ giới. Vì Ngô-Quyền lấy đức giả thủ cho Đông-diên-Nghệ, cho nên Lệnh-công lại lấy đức giả thủ cho Ngô-vương, cái quả báo về trung-nghĩa, rõ rệt như thế! Phạm-Lệnh-công là hạng người thế nào? chỉ một niềm gìn-giữ con mồ-côi, khó khăn gặp ghềnh thế nào, cũng không ngã lòng. Tam-kha đem cái quyền-lực cả nước để tìm bắt, tìm bắt không được cũng không biết làm thế nào! Ôi! mưu kế sâu sắc, tài lực anh hùng, họ hàng mạnh cánh, có lẽ vì ba cơ ấy khuất-phục được Tam-Kha, tiếc rằng không biết được rõ lý-lịch

của Phạm-Lệnh-công » (Đại-Việt-sử-ký, liên biên, q. 7, tờ 9 a và b) (1).

Sử-thần Lê-Văn-Hưu có câu chê Xương-Văn rằng: « Tam Kha đuổi con vua mà tự lập thế là tội công, nuôi con vua làm con mình mà cho ăn lộc, thế là ơn riêng; Hại Ngô-vương (Xương-Văn không bắt Tam-Kha về tội tặc-an-nghịch, mà lại nói ra miệng rằng vì ơn riêng không nỡ » hình, tại cho ăn lộc, chẳng làm tội làm ru! » (Đ-v.s.k. liên biên, q. 7, tờ 10 a).

Về việc Xương-Văn đón Xương-Ngập về cả, coi việc nước, Ngô-sĩ Liên có bài bàn rằng: « Nam-Tấn vương (Xương-Văn) đón Xương-Ngập về cùng coi chính-sự, có thể bảo là dùng vào câu « Khắc-cung quyết huynh = Hay kính người anh » muốn cho cùng hưởng phú quý. Nếu Xương-Ngập biết lấy cơ không công-trang gì để nhường em cùng hưởng lộc lộc hưởng, dưng là chẳng rứt-rỡ lòng - tạo-lắm thay! Đáng này lại câu chấp vào phần địch-trường, Xương-vương coi chính-sự, tự ý chuyển quyền ra oai tác phúc, đến nỗi Nam-tấn-Vương không được dự chính-sự, rất là trái nghĩa « hữu vu » : chỉ-khi thật là ty-lậu » (Đại-Việt-sử-ký, toàn thư, q. 5, tờ 23 b).

Sử-thần Lê-văn-Hưu có bài bình luận Xương-Văn rằng: « Ngô Nam-Tấn (tức Xương-Văn) trước bị gia-thần là Tam-Kha bắt tù, sau phải anh là Xương-Ngập ứ-chế, thế mà một mai đặc chí, không biết tự mình cần thận, để cho hưởng ước không được bao lâu; không ai rõ chính-sự ra sao, đành tiếc! Xem ngay việc tha tội cho Bình-vương, chẳng phải

là người nhân-tà? Dùng lòng cho Xương-Ngập ngày một kiêu ngạo, chẳng phải là kinh-thuận ư? Vừa nhân từ vừa kín đáo, cũng có thể biết đợ là người thế nào ».

Còn Ngô-sĩ Liên tại luận rằng: « Ngô Nam-Tấn lấy nghĩa từ kẻ tàn bạo, khôi-phục được cơ nghiệp 1 đn - vương, có thể yên được linh-hồn của tổ-tông, hả được lòng tức giận của thần và người; đến chấp-trị thì mới thấy nhân nhu không hành hình về tội Tam-Kha thoán-nghịch khinh nhảm việc vua, mới sinh ra việc đi đánh hai thốn Thái-bình-Đường-Nguyễn rồi sau hi tên xa mà chết, đáng thương! » (Đ.v.s.k. liên biên, q. 7, tờ 12 b và 13 a).

(Còn nữa)

Ứng hơ NGUYỄN VĂN-TỐ

Đã có bán:

MỘT MỐI TÌNH

Của cụ Phạm-Huy-Toại

Giá 3\$00

Cuốn Một mối tình của cụ Phạm-Huy-Toại, nguyên Bộ-Chánh-linh Sơn-lây. Phần thực nhất là văn trước-tiểu của cụ là, văn văn-chuyên, lưu loát, ý văn thâm-thoáy, thanh-cao. Phần thứ hai gồm có những bài dịch như: áng văn thiên thu bất-hủ, trong văn học-sử Trung-quốc, như Quy-khử-lai-tử của Đào-thiền, Tiên-Xích-Bích-Phát của Tô-Đông-Pha, văn văn, có cả cả chữ thơ, và dịch ra thơ nôm.

Một mối tình là một cuốn văn-khởi-tác, rất hiếm có trong văn-học-giới thời nay.

BẦY BÔNG LỬA LEP

Tác Hoa Mai số 40

của Nam Cao Giá 0\$50

HƯNG ĐẠO-VƯƠNG

Tác Hoa Mai số 41

của Tịch-Lang Giá 0\$50

Nhà xuất-bản Cộng-Lực

Nº 9 Rue Takeu Hanoi

Tài-liệu để định chính những bài văn cổ

Số 60

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐCXXXV. — Kim Vân Kiều
(bài nối)

Hai bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh (19-0, tr. 104; 1943, tr. 331) và phương-bản của Quan-văn đường (tờ 49 b) chép câu 1555 và 1556 như sau này: « Tuần sau bồng, thấy hai người, Mách tin ý cũng liệu bài tân công. » Vương Kim diễn tự (bản sao của Trương Bắc - đỏ, số AB 234, tờ 45 a) chép là « Mách tin rắp cũng ». Kinh - bản của cụ Kiều oánh-Mậu (Đoạn trường tân thanh, tờ 39 b) chép là « Tuần sau bồng có hai người, Mách tin rắp cũng liệu bài tân công ». Câu trên lay chữ « bồng thấy » này hơn « bồng có », vì đã dùng chữ « bồng » là nghĩa tự nhiên, thì « thấy », chữ không phải là có sẵn; câu dưới theo chữ « rắp cũng » hay hơn chữ « ý cũng »; tuy nghĩa như nhau, nhưng đây đúng vào hợn tiêu-nhân nên đặt chữ « rắp » thì mới phải cái khẩu-khi của họ.

— Hai bản quốc-ngữ và phương-bản chép: « Vội-vang xuống lệnh ra uy, Đứa thì vả miệng, đưa thì bẻ răng » Kinh-bản chép: « ... làm dữ ra uy »; ở Trung-kỳ có tiếng « làm dữ », nghĩa là làm ra mặt dữ-tợn; không rõ chính-bản viết chữ nào, nhưng chữ « xuống lệnh ra uy » mới phải giọng văn nhà quan.

— Phương-bản và quốc-ngữ chép « Bồng đảo khuya sớm thanh thoi ». Kinh bản và Vương Kim diễn tự chép « Bồng theo »: chính lẽ « theo » mới phải, vì theo đây là nữ-công, nên người ta gọi là

đàn bà ở là bồng theo; còn như dùng chữ « Bồng đảo » là do chữ « đảo-yêu » (đảo rêu), « đảo-kiếm » (quả đảo) là con gái đến thì hoặc con gái đẹp, thì không hợp vào cảnh Hoạn-thư; đối với con nhà quan đã có chồng rồi, phải gọi bồng ấy là bồng nữ-công, chữ không gọi là, bồng con gái đẹp.

— Câu « Thuận lời chàng cũng nói xuôi dõn », kinh-bản chưa chữ « dõn » cũng như chữ « dõn », hai chữ một nghĩa; nhưng « dõn-dã » là có ý giúp đỡ người ta; « dõn dõn » là cơ ý tự phòng lấy mình ».

— Các bản nôm cũ và quốc-ngữ đều viết là « Tình riêng chưa dám rí rắng »; duy kinh-bản viết chữ « hổ rắng ».

— Bản quốc-ngữ 1920 (tr. 107) viết « Vô câu vừa giống dặm trường ». Kinh-bản, phương-bản, Kim Vân Kiều chú và quốc-ngữ mới (1943) đều viết « Rồi câu vừa giống dặm trường ». Vương Kim diễn tự viết « Ngọn roi vừa chỉ dặm trường »: câu ấy muốn hay hơn, vì cách câu trên (1602) đã có chữ « Vô câu, thẳng xuôi », đến câu này lại đặt « Rồi câu vừa giống », thì trùng ý, không ai đặt như thế nên theo câu « Ngọn roi vừa chỉ dặm trường ».

— Phương-bản, Vương Kim diễn tự, Kim Vân Kiều chú đều viết « Hãy đem dây thắm buộc chân nàng ». Kinh bản và quốc-ngữ mới (tr. 393) viết là « Hãy đem dây xích buộc chân nàng ». Bản quốc-ngữ cũ (tr. 107) biên là « dây tới » và chưa rằng: « Có

bản sửa là dây tới, có bản sửa là xích, là thắm, là tới ». Kề ra chữ « dây thắm » mới là giọng văn ở đoạn này, vì Hoạn-thư bèn với mẹ lập mưu can, không cho Thúc-sinn biết thì không khi nào nói những tiếng « dây xích, dây tới » là tiếng thô-tục. Nguyên có chữ « xích thắm » là dây đỏ, tức dây thắm, là dây của Nguyệt-lão xe đôi lứa nhân-giác; Hoạn-thư đem dây thắm đi buộc Kiều về, có ý mỉa Túc-sinh. Chữ « thắm » nôm viết « xích » bên chữ « thắm », vì thế có người sợ chữ « thắm » xa nghĩa, mới đọc là « xích »!

— Phương-bản, Kim Vân Kiều chú và bản quốc-ngữ 1920 (tr. 108) chép là « Thân sao lắm nỗi bất-bằng, Liều như cung Quảng ả Hằng nghĩ nao! » Bản quốc-ngữ mới (tr. 397) viết là « nghĩ nao », thì chữ « nao » không phải. Kinh-bản chép là « Liều như ả Tổ cung tráng nghĩ nào », chữ « nghĩ nào » và « nghĩ nao » cùng nghĩa, nhưng chữ « nghĩ nao » ít nói đến. Kinh-bản muốn lấy chữ « nghĩ nào » cho dễ nghe, mới đổi làm « ả Tổ cung tráng » nghĩa cũng như « cung Quảng ả Hằng », nhưng nghe câu cũ vẫn hay hơn.

— Các bản nôm và quốc-ngữ đều viết « Dưới hoa đây là ác-nhân, Ản-âm khốc quỷ, kinh thần, mọc ra »; duy kinh-bản viết là « rē ra ».

— Các bản cũ đều viết « Vực ngay lên ngựa tức thì ». Kinh-bản viết là « Đai ngay » Kiều bị thuốc mê, thì chữ « vực » mới phải.

Câu dưới các bản đều viết: « Phòng đây viện sách, hợn bề hờa giọng ». Kinh-bản và Vương Kim diễn tự chép là « Phòng thêu, viện sách », chữ « thêu » mới phải, đã cắt nghĩa ở trên.

— Các bản đều viết « Sấm thây vô chủ bên sông, Đem vào đề đề, lậ-sông ai hay ». Kinh-bản chép « Đem vào đề dành lậ-sông ai hay », nghe phải hơn.

— Phương - bản kinh - bản và quốc - ngữ mới (tr. 403) viết là « Di-hải nhật sắp về nhà ». Bản quốc-ngữ cũ (tr. 110) viết là « nhật khắp » thì không phải. Vương im diễn tự chép là « nhật lấy về nhà », tưởng thế tự-nhiên hơn, vì trong khi nhật từ phải sắp, nếu đặt chữ « sắp » thì câu - kỳ quá; thường nói « sắp nhật », ít ai nói « nhật sắp ».

— Đọc đến câu « Sang nhà cha, lời trung-đương, Linh-sáng bài-vi thờ nảng ở trên », ai cũng lấy làm lạ: người chết háy còn trong tuần tối-nhức, sao được thờ ở trung-đương? Có lẽ phong-tục triều Minh như thế chăng?

— Các bản đều viết: « Thương sang nghĩ, nghĩ càng đau, Dê ai rắp tằm, quạt sâu cho khuấy ! ». Kinh-bản chép là: « Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau, Đoạn-trường ai có qua cầu mới pay ! ». Cụ Kiêu-oán-Mậu nói « Nên theo kinh - bản ». Kể ra câu này theo phương - bản có lẽ tự-nhiên hơn. Vả, đoạn này tả cảnh Thúc-sinh thương - nhớ Kiều, lui dùng chữ « đoạn-trường » không phải, vì chữ « đoạn-trường » chỉ ở miệng Đạm-tiên và ở Kiều mới đúng. Nếu Thúc-sinh nhớ Kiều mà lại dùng chữ « đoạn-trường » thì chẳng hóa ra mỉa Kiều ư!

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN TỔ

Dịch thơ Du'ò'ng

旅夜書懷

Lữ dạ thư hoài

細草微風

Tế thảo vi phong ngạn

危檣獨夜舟

Nguy lương độc dạ chu

星垂平野濶

Linh thùy bình dã khoáng

月湧大江流

Nguyệt lưu đại giang lưu

名豈文章著

Danh khởi văn chương trư

官應老病休

Quan ưng lão bệnh hưu

飄飄何所似

Phiêu phiêu hà sở tự?

天地一沙鷗

Thiên địa nhất sa âu.

Ỗ PHỦ

Giải thích

Bài này tác giả làm rồi xong đang chẳng gặp chủ đề mình. Đây là cảnh ở trong chiếc thuyền lênh đênh trôi nổi. Hai câu đầu tả cái cảnh gần mà nhỏ; Bờ cỏ lác tấc, gió hiu hiu thổi, một con thuyền trong đêm khuya và g mang cây cột buồm cao chênh vênh, người ngồi trong chiếc thuyền ấy buồn biết chừng nào! Rồi đến những cảnh rộng xa: Những ngôi sao như vũ trụ cảnh đồng bằng thiên thanh, ánh trăng như lưng

tóc lên giữa làn nước trời tròn sông lớn.

Bon câu d rớt mới tả đến cái tâm loại của mình: người ta nhớ ở vào chuông mà nên danh, nhưng văn chương của mình có thể nên danh được đâu; xira pay những người làm quan thường vì già ốm mà phải phế truất, vậy mình đã đến lúc già ốm, chẳng nghĩ quan đi là phải. Ngà nay nhìn trời gát này đây mai đó thật là vô vị chẳng kể đến con chim le ở giữa khoảng gớt đất mệnh mông.

Chú dầm

Đỗ Phủ trước từng làm quan ở kinh đô Tràng an, nhưng không được nhà vua tin dùng, bị đày ra ngoài. Ông cũng chức ở ngoài ít lâu, sinh lòng buồn nản, rồi bỏ quan ra đi, lang thang ở xứ học mấy năm rồi lại ra vùng Kinh Sở. Bài thơ này làm vào lúc 1 g thang dờ

Dịch ra thơ

Đêm khách tả lòng
Cỏ bờ gió thổi êm êm,
Cần cao, một lá thuyền chìm
trong khuya.
Đồng xa sao rải lấp lờ,
Sông xô ánh nguyệt vàng hoe
mặt dòng.
Văn chương há dễ thành
danh,
Mãi à già, vóc yếu, thời đành
nghỉ quan.
Lênh đênh thân đóng phao
nán,
Như con vịt nước không đàn,
bơ vơ.
THÚC-KHÊ dịch

(1) Có bản chép là « thiên ngoại »

BÀN GÓP VỀ NGUỒN GỐC TIẾNG VIỆT NAM

ĐÀO-TRỌNG-ĐU

Tôi vừa mới nhận được một bức thư ở Saigon gửi lên. Ký giả tự xưng là một người đọc chằm chằm và kỹ tên Nguyễn-văn-Nho. Không biết có phải ông Nguyễn-văn-Nho, giả s. trường Pétrus Ký hay ông Nguyễn văn Nho khác? Ông không bèn rõ địa-chỉ và chức-phận, nên tôi bắt buộc phải đăng bài này lên Tri-Tan, gọi là giả nhời bức thư «vấn a» của ông.

Đoạn thư nhất, Nguyễn-quân «vấn nan» tôi về nguồn gốc chữ «chồng» và tôi tôi: «Sự bết của lá gả do đường nào». Câu hỏi rộng quá. Muốn xét ch cùng ý-lý, tôi phải thưa lại với ông: Sở dĩ tôi là tôi là nhờ ơn báo mẹ sinh-thành. Tôi đã là tôi rồi thì bao nhiêu cái bết của tôi nó do đó mà ra cả. Cái họ của người ta, bình như phăng-pát công gởi đất, không phải của riêng một mình ai, cho nên nhập lệ-sắc, ai mà trảng bêu véc đờn đờn chữ. Sự biết như ánh sáng mặt trời, mà người biết là bết g ma b bình phản chiếu cái ánh sáng ấy ra một nơi khác cho mọi người trông thấy rõ. Có thể bình cứ thế mà phản chiếu có thể bình lại làm cho những ta-sáng bình hành của mặt trời tự cả vào một chỗ cho chói lọi thêm lên. Tri thức của người ta sao hấp thụ nhau đại-khái cũng như vậy. Triết-học của tôi là một ghi có thể thôi. xin tạm giả nhời ông Nguyễn Trông về nguồn gốc chữ «chồng», tôi không biết tác-giả cuốn «*Les origines de*

la langue annamite» kinh nghiệm và khảo-cứu thế nào. Sự biết của tác giả do đâu mà ra, xin phở Nguyễn-quân giảng-giải hộ. Còn sự bết của tôi, nó xuất ở chỗ tình cờ. Những tiếng «trượng-phu», tiếng «chàng» tôi đọc đi đọc lại không biết mấy mươi lần trong *Chính phủ-ngân*, mà không bao giờ tôi để ý đến nguồn-gốc chữ «trồng». Rồi, một hôm, đi xem chớp bóng điện quảng-đông, nghe một người đàn bà khách nói: «Nghe cô chàng phú», tôi thấy ngay cái giây liên-lạc giữa chữ «trồng» và chữ «trượng phu». Nhân đó tôi lại nhận thấy rằng muốn khảo-xét tiếng nói cho kỹ-càng, phải nghe người ta nói. Khảo-cứu trong sách, chẳng qua là khảo-cứu những chữ viết ra để thay cho tiếng nói, sự kết quả có đâu bằng nghe ngay người ta nói được.

Đoạn thư hai, Nguyễn-quân lại «vấn nan» tôi về hai chữ con voi và nhắc đến «cuốn sách của một võ quan: *l'Annamite, mère de toutes les langues*. Võ quan cũng nương-tựa vào nhiều chứng-cớ hiển-nhiên, để dựng lên lý-thuyết: Việt-ngữ là nguồn-gốc của các thứ tiếng hoàn-cầu. Từ từ: danh-từ Việt-nam con voi sanh ra danh-từ Ráp con voi. Không biết có thể theo luật cái-âm, hợp-âm, tự-nghĩa, phân-nghĩa, tán-nghĩa để tìm giây liên-lạc giữa tiếng con voi và tiếng con voi không». Tôi xin thú thực rằng cái giây liên-lạc ấy tôi chưa từng nghĩ

tôi, côi-rễ tiếng «con voi» tôi cũng không hay. Nhưng truyện con voi thì tôi thuộc lòng đã lâu rồi. Tôi thuộc từ khi lên năm, lên sáu, theo Cụ tôi ra miếu làng Cổ, xem thợ sơn họ vẽ ông Voi, ông Ngựa.

Con voi con voi

Có cái voi đi trước

Hai chân trước đi trước

Hai chân sau đi sau

Còn cái đuôi đi sau rốt

Tôi xin kể nốt chuyện con voi:

Con voi con voi,

Có cái voi đi trước...

Cứ thế mà kể đi kể lại, nên tôi còn nhớ đến bây-giờ. Ấy là chuyện con voi Việt-nam. Còn ngoại-quốc thì có chuyện con voi với mấy người lừa. Mấy người này muốn khảo-xét xem hình dáng con voi thế nào, nhưng gặp phải con voi khổng-lồ, nên mỗi người chỉ sờ được có một chỗ. Người sờ đuôi, tưởng voi như cái chổi; người sờ tai, tưởng voi như cái quạt; người sờ chân, tưởng voi như gốc cây. Tiếc rằng sách không nói đến anh sờ voi, nên tôi không biết cảm-tưởng anh ta thế nào. Tuy là một chuyện khôi-hài, nhưng rất hợp với công-độc khảo-cứu nguồn-gốc tiếng Việt. Ai sờ tai thì biết tai, ai sờ voi thì biết voi: toàn thể con voi nào ai đã biết? Ông Nguyễn-văn-Nho muốn tôi đồng-ý với

BIA VĂN MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỆ TRIỀU LÊ

Số 89

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

31 — Vả bá-Huyền, người xã Tùng-du, huyện Gia-lộc, phủ Hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa nhà tuất 1502. Làm quan đến thừa chánh sử (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 37 b. Đặng khoa lục, q. 1, tờ 53 b) cấp là bị rồi xã Tùng-du, huyện Gia-lộc.

32 Mạc-văn Oai, (bia văn-miêu Đặng khoa bị khảo, q. 1, tờ 53 b) Lịch triều tiền-sĩ đề danh bị lý, chép là Mạc-văn-Oai, chỉ có Đặng khoa bị chép là Mạc-văn-Thái, người làng Mạc-xá, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 27 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thừa chánh sử (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 61 b. 62 a; Đặng khoa lục, q. 1, tờ 53 b).

33 Nguyễn-tử Kiển, người xã Lạc-trạch, (bia văn-miêu là Trạch-lô) huyện Trạch-trạch, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Làm phò mã ở xã Tuy-lộc. Năm 26 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thừa chánh sử, tước hầu. Mạc-Đặng-Dương, tước Nghệch, ông giữ tiết tháo, không chịu khuất phục người đời, từ chối lễ nghia (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-tây, tờ 39 b, Đặng khoa lục, q. 1, tờ 53 b).

34 Nguyễn Mậu, người xã Du-lai, huyện Thanh-là, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Trong đời Hồng-thịnh (1509-1516) vua Lê Tương-đực thưởng sa người hát hóa hồng gạo, Nguyễn Mậu dâng số can, chạm ý vua sai trung-sứ đánh, đến năm Hồng-thịnh thứ 5 (1513) thăng làm Thanh-hoa biên-sát sử (Khâm định Việt sử, q. 26, tờ 22 b). Rồi đình ưu (có tang cha

hoặc mẹ) về nhà. Hết chế lại tới kinh, vừa lúc Trần-Cảo thêm hiệu (mồng 6 tháng 3 ta năm 1516). Ông không chịu theo Trần-Cảo: triều-dinh, khen ngợi. Đến năm đnh-sử (1517) hiệu Quang-thiệu, ông vốn là người có sĩ-vọng, thăng làm tham-thính xử minh, kiêm tán lý quân-vụ, chưa bao lâu thăng Thái-bộ-khánh, lại thăng thêm-đo. năm 1520) thăng phó-sứ-đo-ngự-sử, theo vua Lê Chiêu-tông vào Thanh-hoa. Đến khi vua Chiêu-tông bị họ Mạc ức hiếp, ông về kinh đợi mệnh lệnh, Lê Hoàng-đệ-Xuân muốn bắt tội: Phạm-gia-Mô giúp họ được tha, rồi bị giáng làm Tuyên-quang thừa-nhận-sứ, chưa được bao lâu được thăng đô-ngự-sử (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 73 a). Đặng khoa lục (q. 1, tờ 53 b) chép « theo Mạc, huy lần đi sứ ». Khâm định Việt sử q. 21, tờ 22 b) khen là người « liêu trực ».

Khoaất-sử 1503 hiệu Đoàn-khánh thứ 1 đời vua Lê Uy-mục, lấy 55 ông tiến-sĩ. Ông là giáp tiến-sĩ cấp đệ ba ông. Ông nhất danh (trạng-nguyên) là ông Lê-Nại, người xã Mộ-trạch, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng (nay Bình-giang), tỉnh Hải-dương. Tiên-tổ nguyên là người ở xã Lão-lạt, huyện Thuận-hóa, tỉnh Thanh-hóa. Lúc bé chịu khó học, 24 tuổi đỗ giải-nguyên, tức thủ-khoa thi hương, 27 tuổi đỗ trạng-nguyên, làm quan đến Hộ-bộ thị-lang. Khi mất được truy-tặng Đạo-trạch-bá. Sinh ra Lê-quang-Bi, đỗ nhị giáp khoa, quí-mùi 1523. Là anh Lê-Tài (hoặc Tư) đỗ nhị giáp khoa tân-mùi 1511 (Đặng khoa lục q. 1, tờ 1 a) Đặng khoa bị khảo

(q. Hải-dương, tờ 15 a) chép năm kỳ thi, Lê-Nại đỗ đầu. Đinh nguyên phát lộc (sách viết của Bắc-cổ, số A 1205, tờ 19 b-20 a) chép « khi ông mới đỗ giải-nguyên có quan thượng-thư cũng làng là Vũ Quỳnh gả con gái cho. Sau khi đến gả rồi, cả ngày chơi không, chẳng để ý đến sách vở; Vũ Quỳnh lấy làm lạ, hỏi ông thân-sinh ra Lê-Nại rằng: « Vốn nghe về tôi là người hiếu học, sao từ ngày đến nhà tôi, không thấy học gì cả? » Ông thân-sinh ra Lê-Nại thưa rằng: « Từ ngày con tôi đến quí-dinh, tưởng-công cho ăn thế nào? » Vũ-Quỳnh đáp: « Nhà nho thanh-dạm, ăn uống bao nhiêu ». Ông thân-sinh ra Lê-Nại nói rằng: « Con tôi ăn khác người, tưởng-công cho ăn như người thường, bảo nào không đủ? » Vũ-Quỳnh nghe nói, bữa sau cho ăn gấp đôi; Lê-Nại mới mở sách học một vài lượt, sau cho ăn nổi ba, học đến canh ba, cho ăn nổi tư; học đến trống tư, Quỳnh nói rằng: « Còn nữa ta có khi-vũ độ-lượng hơn người, tất có sự nghiệp hơn người ». Từ bữa sau cho ăn nổi năm; Lê-Nại học suốt đêm, không dời quyển sách. Đến năm 27 tuổi, tại đỗ trạng-nguyên, thường làm bữa bài thơ đề bức truyền thần của mình rằng: « Mộ-trạch hiếu-sinh, dĩ thực vi danh, thập bát bát phạm, thập nhị bát canh, khởi-nguyên cấp đệ, danh quán quân anh, sức chỉ giả cụ, phát chí giả hoành », nghĩa là tiên-sinh, Mộ-trạch nổi tiếng về ăn, mười tám bát cơm, mười hai bát canh, khởi-nguyên cấp đệ, tiếng trùm các bậc anh-tài, vì có chức nhiều, thì khi phát-ra mới rộng ». (Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cà đạo mới

I

Nắng to sạm cả má hồng.
Em đi mua rượu cho chồng em đây,
Cuộc đời ai tỉnh, ai say?
Tỉnh kia mà độ, lả say mà lành.

II

Em đi gánh nước đâu về?
Đôi thùng em gánh nặng nề đôi vai.
Người kia nhờ lấy em ơi!
Dù đây, dù cạn, đừng dơi tấm lòng.

III

Ơ đời thì thở với đời.
Ăn no, ngủ kỹ là người bỏ đời.
Thế gian lắm việc nặng nề.
Và giới, lớp hiền, xưa kia đã từng.

IV

Ngồi không lắm lúc bật cười.
Muông xanh, mây trắng cuộc đời
Co le!

Gỗ lim không chôn bằng tre,
Gấm thêu không chôn bằng the
lười rười!

V

An nhàn là thái độ tiên.
Đa mang chỉ làm cho phiền cái
thần
Nước sông chôn, nước cò ngẩn:
Cây rừng chim đỗ hai chân một
cánh

VI

Bao nhện nhện nện cùng sen
Đã sanh chươn nước, lại quen bưng
giầu.
Lập thán phải liễu, cứt g nhau,
Cờ g lén được mảy, đám dĩa dĩa
đổi!

VII

Sông kia ai quàng đợc ngửa?
Mây kia ai thõa trên đầu bọ?
Cuộc đời ai khéo vẽ trò:
Cao cao chẳng chừa lại mớ sâu sủa!

VIII

Con ơi con muốn nên người.
Đol dặt cời dời son phai hân hoi.
Con đừng tham những con ơi
Đừng lấy của người, làm của của ta!

IX

Đầm cây xai h ngót một màu,
Nước sông chảy lợ, díp của đờ
rgang
Ngủ ngon cho khách qua đường!
Tắc lòng cổ quố, tha hương thế n
rần!

LĂNG NGÂM TỬ

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ THÂN MẾN

Trong bốn năm cố gắng, Tri Tân đã đi được vững vàng trên đường văn hóa, một phần ủng hộ là nhờ tất cả các độc giả trong năm xưa. Chúng tôi không biết lấy gì cảm tạ, lúc nào cũng chỉ xin hết sức cố gắng để đi đến bước thành công.

Song hình-hình giấy, mực ngày một khan và đắt, sự hi-sinh của chúng tôi có chừng, mong độc giả lượng xét cho hợp thể mà thế tất cho. Vậy bắt đầu từ 1er Juillet 1944, chúng tôi buộc lòng phải tăng thêm giá báo theo sau đây:

1 năm	20 \$ 00
6 tháng	11. 00
3 tháng	6. 00
mỗi số	0. 50

Trong lúc khó khăn này, chắc các bạn độc giả cũng chiều sinh cho và vui lòng ủng hộ tập chí văn hóa đang phải và lộn đề sống.

Kính đợi
TRI-TÂN

GIỚI THIỆU

Tri Tân nhận được:

— I. Của nhà Đời mới:

a) Văn chương quốc âm 19 thế kỷ XIX của Phan Trần Chúc giá 3 \$ 50

b) Hai cuộc đời của Chu Thiện li-hai tều thi yet giá 2 \$ 50

— II. Của nhà Mai Lĩnh:

Trung dung chữ giết c' t Puan khoang giá 2 \$ 00

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn đọc.

T T

HỢP THƯ

O/Phạm Vũ Lưu Toujao —
Hạn báo của ông đến 30/9/44
bị hết hạn.

— Ban Đố Tuỳ Hịch Hapoi
Xin gửi nổi đ au rười hã p l h hinh
C/T, Q.

Nhân kỷ niệm ngày Đô-Đốc DECOUX nhận chức Toàn-quyền Đông-dương

Bốn năm qua

NHẬT-NHAM

Ngày 20 Juillet 1940! Dương lịch tởn tể khó khăn, Đô đốc Jean Decoux lên thăm và nhận xứ Đông-dương. Với chức Toàn-quyền Đông-dương, chẳng bao lâu ngài lại thêm thêm chức Thượng-sứ Thái-bì Đông-dương. Tuy trách-nhiệm nặng nề mà trong bốn năm qua dù gặp nhiều bước khó khăn, Đô đốc đã thực-hành được nhiều việc để mưu hạnh-phúc cho dân.

Về phương-diện chính-trị

Về mặt chính-trị, Đô đốc đã gặp nhiều khó khăn để giải-quyết. Nhưng nhờ có trí sáng suốt và có tài kinh-luân, ngài đã giữ được yên bờ cõi, và trong toàn xứ được thái bình thịnh trị. Xứ Đông-dương nhờ ngài mà có thể đứng ngoài vòng khói lửa. Tuy vật-liệu và thực-phẩm không được dồi dào, tuy một số dân vô tội bị phi-cơ để b sát hại, nhưng những sự khùng-khiếp, như cảnh rừng rợn của chiến tranh có thể nói là chưa hề xảy-hiện tại Đông-dương.

Nhờ tài ngoại-giao, Đô đốc đã ký hiệp-ước với nước Nhật để chính-phủ Pháp-Nhật phòng thủ chung xứ Đông-dương và cùng nhau dùng các phương-pháp cường quyết để đối-phó với thối-cục. Cuộc bang giao giữa Nhật và Đông-dương đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp.

Nội-tình không phải là không

vững chãi. Những sự nhu-cầu của dân-chúng đều được đầy đủ từ đó tình-thế cuộc-khẩn, nên người Pháp cũng như người Đông-dương vẫn hòa hảo đồng-việc hằng ngày từ sự yên-tĩnh và trong nền trật-tự.

Trong công việc mở mang cho xứ Đông-dương, Đô đốc Decoux đã thực-hành chính sách liên-lạc các dân-tộc Đông-dương, các bậc thượng-lưu và các phần-tử của liên-bang.

Đô đốc đã sửa đổi nhiều về mặt chính-trị, mục-đích làm cho các cơ quan chính-trị tiến-hành một cách mau chóng và có hiệu-quả. Ngài mở rộng cách tuyển-cử, chọn người Đông-dương được sung vào những địa-vị quan trọng trong chính giới mà trước kia chỉ dành riêng cho người Pháp. Đó cũng là một khoản trong chương-trình hợp-tác giữa người Pháp và người Đông-dương, một sự hợp-tác càng thêm chặt chẽ trang khi theo đuổi một công-ước chung.

Đô đốc Decoux không những thi hành chính-sách hợp-tác mà còn lo-hào dân-chúng giúp nạn-nhân chiến-tranh Đông-dương và mẫu-quốc. Nhờ hiệu-triệu được hưởng-ứng một cách sôi sảng, nhờ vậy mà sự đau đớn giữa các gia-đình bị nạn được giảm thiểu phần.

Về phương-diện kinh-tế

Mấy năm gần đây, vì ảnh hưởng chiến-tranh, nền kinh-tế xứ Đông-dương đã phải chầm chậm theo thời. Giữ cho nền kinh-tế trong xứ được vững vàng là một công việc không phải dễ dàng cho vị thủ-hiến xứ Đông-dương.

Về sự giao-dịch với ngoài, theo các thương-ước ký tại Đông-kinh (Nhật) Saigon và Hanoi, phần nhiều việc buôn bán chỉ có thể tiện-lợi giữa nước Nhật và xứ Đông-dương trong tình-thế hiện-thời.

Về sự giáo-dịch trong xứ, các sản-phẩm đã đủ cung cho sự nhu-cầu của dân-chúng. Tiều-công-nghệ, kỹ-nghệ, nông-nghệ được chính phủ khuyến-kích, nên càng thêm mở mang về tiến-hành một cách rất nhanh chóng.

Cuộc trưng bày mới rồi tại Hanoi đã tiêu-biểu cho sự tiến-bộ của nền tiều-công-nghệ bản xứ, nhất là về nghề dệt, nghề làm gỗ, làm đồ kim khí, làm giấy, làm bao, làm đồ sứ...

Các phương-pháp mở mang nền kỹ-nghệ được thi-hành để hợp với tình-thế.

Chính-phủ theo đuổi hai mục-đích về nông-nghệ: 1) Giữ vững hay làm tăng sức sản-xuất ngũ-cốc đủ cung cho sự nhu-cầu dân-chúng và để xuất-cảng; lại nâng đỡ và mở mang việc chăn nuôi và

giống các hoa màu; 2) ngoài ra, Chính-phủ còn khuyến-khích việc giống cá, cây dùng vào kỹ-nghệ hay làm thuốc.

Các rừng núi đều được khai-phá để lấy gỗ làm các việc công-tác, làm củi đốt máy bay để thay những chỗ hư-hỏng.

Việc đánh cá cũng được Chính-phủ đề ý để đủ cung cho toàn xứ trong khi không có cá ngoại-quốc nhập-ang.

Muốn chống lại nạn đói, Chính-phủ kiểm soát rất ngặt việc phân-phát và tiêu thụ. Sở thực-phần đã cấp cho các gia-dình để hạn-chế sự xa-xỉ và nhiều phương-pháp để chống nạn đói-cơ tích-trữ đã đem lại nhiều kết quả. Sắc-lệnh ngày 14 Mars 1942 công bố tại Đông-dương ngày 8 Mai 1943 đã ủy cho các nhà đương-đạo nhiều phương-pháp công-hiệu để bài-trừ những việc đói-cơ tích-trữ và tàng trữ trái phép.

Công việc sửa Chính-phủ trong phạm-vi kinh-tế càng thêm khó khăn vì vận-đồ vận-tải gặp nhiều sự ngăn-trở về việc giao thông cũng như về sự thiếu thốn vật-liệu.

Về phương diện xã-hội

Trước hết, vấn đề vệ-sinh được chú-ý: Mở mang nhiều bệnh-viện, lập các nơi nghỉ mát, đặt công-cuộc vệ-sinh, tuyên truyền nhiều viên-chức ngành y-tế, thực hành

phương-pháp đề phòng bệnh lao và các bệnh dị-lu, từ đó có kho thuốc lú nào cũng được đầy đủ để đủ cung cho các bệnh viện bao nhiêu công việc đều có một mục đích là bảo vệ sự kháng-cường cho công-chúng. Nhờ vậy, bao nhiêu bệnh dịch mà phát-xuất ở đây đã được ngăn.

Công việc giáo dục đại-chúng được sắp sếp và khuyến khích tương. Tại các nơi học-lành cũng đã có trường để mở mang trí thức cho dân. Nhà học-xá Đông-dương đã thành-lập và có thể dung thụ được 800 sinh-viên học Cao học.

Vấn đề Pháp dụng-luật ở đây cũng bản xứ đã có kết quả tốt đẹp. Nền cao-học đã mở rộng cho thiếu-niên Đông-dương về đủ các ngành: luật-khoa, y-khoa, mỹ-thuật, văn-văn.

Chính-phủ lại giúp cho phong trào thể-thao và thanh-niên lan-truyền khắp cõi và chú-trọng đến sự khuyến-chi-trương của các cơ-quan văn hóa như trường Viễn-đông bác cổ, các bảo-lãm, các phòng triển-lãm, v. v.

Chương trình công-tác

Dù các vật-liệu khan hiếm, dù việc vận-tải gặp nhiều-nỗ-khó khăn, nhưng qua Toàn-quyền cũng đã cho tui hành một bản chương-trình công-tác rất đồ sộ:

mở mang và sửa sang các đường giao thông, tui hành công-lực về nông, xây dựng các công-sở v. v.

Về phương diện tài-chính

Theo giả sinh-hoạt đầy đủ, Chính-phủ đã tăng lương — bổng và phụ cấp cho các quan-chức sở chỉ huy thêm tăng nhưng nhờ sự điều khiển khôn-ngoan của Đô đốc mà công-quỹ vẫn giữ được thăng-bằng.

Công-chúng Đông-dương đã từng am-biêu sự cố gắng của Chính-phủ về mặt tài-chính, nhờ đó này đều vui lòng mua công-tài, để tỏ lòng tin-tưởng và tương-lai và thi nhiệm một vị thủ hiến có đủ đảm bảo cho số phận của mình.

Xét qua thành-trạng của Đô đốc Deoux trong 4 năm, ta có thể kết luận rằng sự Đông-dương đã được xử lý như, hạnh phúc trung khi năm chấp đương chìm đắm vào vòng khốn khổ, các dân-tộc đương chờ đợi than giữa cảnh mù xương, sống máu. Được như thế, ta há quên vị ân-nhân đương cầm vận-mệnh cho mấy triệu sinh-livh năm xử lên bang? thủy-sử đó đó Deoux. Thượng-sứ Thá-biri-di-ơng!

Nhật-Nhan

HAY ĐỌC

HÁT DẠM NGHỆ TĨNH

Khảo-cử của NGUYỄN ĐỒNG CHI — tác giả « Việt Nam cổ văn học sử »
— Một lối văn rất xưa chưa được ai biết! Một lối văn cổ sản xuất riêng trong một vùng! Các bạn sẽ thấy có nhiều cái lạ mình không ngờ Nghệ Tĩnh quả là một vùng khác lạ nhất trong nước Việt Nam chúng ta.

Sách dày 350 trang

Giá 8\$00

Sách để bán tại TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

BA NGƯỜI THỢ CẦN MÃN

Số 2

LÊ-THANH

«...Nước Nam ta có học hành đã mấy nghìn năm nay mà tư tưởng vẫn hẹp hòi, người vẫn ngu-dốt, cũng vì tại đi học chữ mượn. Một người cầm quyển sách đọc mà có hiểu ra nữa thì cũng chỉ hiểu lấy một mình, nữa hướng chỉ là lóm bóm chữ biết chữ không. Mà sự không hiểu ấy cũng không có phải là tại ngu dốt gì. Tiếng tỏ tiên minh, tiếng mẹ đẻ, hiểu vú nói với mình tự hiểu biết, ngồi, mà học được hay cũng còn khó thay nữa hướng chỉ là đi học chữ người...»

«...Bây giờ ta muốn ở được trên địa cầu này mà đua tranh với người thì phải học, phải biết tư tưởng không phải là học lấy đi thôi. Không phải học lấy chiếu trên trong làng; không phải học để ngậm phũ dịch-thơ; nhưng học lấy cách làm người ở đời, sao cho bằng người ta; sao cho giữ được địa vị sao cho gánh vác được một vai trong xã-hội.

« Sự học ấy, muốn cho cả nước đều học, muốn cho không mất hai lần công trước hết phải có chữ minh, chữ như tiếng nói, đọc được là hiểu được, chứ không phải như trước, muốn học điều hay lại còn phải học chữ nữa...»

«...Từ như thế thì tôi thiết tưởng bây giờ mà muốn cho trí dân An-nam chóng mở mang ra, thì phải có sách bằng tiếng nôm. Nhưng trong nước ta bây giờ chưa có ai có tài mà làm được nên quyển sách để dạy dân. Dầu có học chữ ngoại quốc mà hiểu được một vài ý hay

nữa, mà có làm ra sách mới, thì vị tất đã có ai xem, vì cách tư tưởng của mình xưa nay, huyền hồ viển vông bấy giờ nghe những nhẽ mới cũng khó vỡ. Vậy trước khi xem được những sách bất cứ ngoại quốc mà làm ra thì dân phải đã biết qua những ý nguyên ấy... Có họa bấy giờ, những người họ được các sách hay của ngoại quốc mà cố đem tiếng bản quốc dịch ra rồi in ra nó hay chứ ấy, thì người xem đến đâu không biết được hết nghĩa, nhưng cũng vỡ được đại khái...»

Vì nhẽ ấy, cho nên chúng tôi định lập ra Hội dịch sách này...»

Dịch sách hãy ở dịch lấy nghĩa dịch thế nào cho người mình đọc hiểu ngay, không cần dịch cho đúng từng chữ, từng câu mục đích có một công-trình dịch-thuật có giá-trị. Nếu cần lớp nữa vẫn sau sẽ dịch lại. Cần phải dịch những sách phổ thông lấy làm phương tiện phổ thông tri thức bình dân. Sẽ dịch nhiều sách của phương Tây nhưng không phải là bỏ bản những sách của Á-đông, những sách nhỏ, căn gốc của phong tục lễ giáo của mình cũng phải dịch ra cả.

Đó là chủ trương của tiên-sinh, đã xác ra trong bài diễn văn và sau này tiên sinh vẫn giữ mãi mãi.

Làm Đấng cổ được ba năm.

Năm 1948, Tiên sinh vào Sài-gòn làm chủ bút báo *Lục tỉnh tân văn* của ông Schneider và cùng ông này lo tờ chức « in một tờ

riêng ở Bắc-lý và Trung kỳ của báo *Lục tỉnh tân văn*. Tờ riêng ấy đặt tên là *Đông dương tạp chí* xuất bản ngày 15 Mai 1913.

Tờ báo là tờ báo của người Pháp, mục đích chính là chính-trị nhưng tiên-sinh không bỏ lỡ dịp là đem cái mở tuồng mình vẫn đem áp thực hành trên tờ báo ấy.

«Bản báo dựng nên cốt ở việc đem cái học thuật Thái-tây, dùng tiếng nôm ta mà dạy phổ thông cho những người An-nam không phải đi học nhà trường cũng học được hoặc đã đi học rồi mà học thêm.

«Cổ động cho dân An-nam ai cũng dùng chữ quốc ngữ mà thế vào cái lối chữ khó-khẩn, học suốt đời người mà chẳng mấy người biết được lấy cách dùng chữ mà thôi, chứ đừng nói học nữa. Đó lại là việc tối yếu của bản báo.» (Đông dương tạp chí số 2 xuất bản ngày 22 tháng Mai 1913).

Vẫn là cái chương-trình cũ;

— Đem cái học Thái-tây phổ thông trong dân dân (bằng cách dịch-thuật).

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

— Cần động sự học chữ quốc-ngữ.

Thực hành phần thứ nhất của chương trình, trong thời kỳ này tiên-sinh dịch những bản sách hay của Âu-tây đăng trong bốn năm năm.

Đáng chú ý nhất là trong mục « Pháp văn tạp thái » khi tiên sinh hoặc một người đồng chí — đem một đoạn pháp văn ra dịch, khi đem một vấn đề văn học ra bàn, mục đích là phổ thông cái học trong đám người « không phải là trắng mà còn học được ».

Làm việc cho quốc văn không khi nào tiên sinh sốt sáng bằng lúc này. Ta thấy nghe tiên-sinh « động »:

« Tự là một vấn đề gấp và quan hệ mà không mấy người lo đến.

« Các nho-giù nước Nam, tuy phần nhiều cũng đã chịu rằng từ nay học phải lấy quốc-văn làm gốc, nhưng mà coi ý thì nhiều người chịu bề ngoài vì cái lý nhơn tiên nó bắt phải chịu, mà trong vẫn còn tiếc cái đạo thừa ngậm nga, vì phải bỏ đi thì thiệt đau lòng sát ruột.

Ay cũng là vì xưa nay, ở nước Nam miền các bậc thượng lưu chỉ nhờ có cách học riêng khó hiểu ấy mà được ở trên nhân chúng, giữ mãi biết mấy mươi mới được làm đầu bốn dân mà nay một chốc từ chối hẳn cái tài ấy đi, nói rằng từ rày học văn mọi người không ở như chữ năm xưa nữa, chỉ do ở tiếng nói mình là một tiếng ai cũng nói, ai cũng biết, ai cũng có thể học tập lấy hay... thì bỏ đi đã mấy kẻ bỏ lượng nhơn mà bỏ được cái quyền lợi riêng, khôn khéo mới chiếm được ấy.

« Bởi vậy thực nhiều người bề ngoài nói rằng vụ quốc-văn mà trong lòng không muốn cho quốc-văn được nên gốc nghề học, có khi việc vụ quốc-văn lại thành ra một dịp là cho cái là chữ bỏ đi. Lấy văn nho mà khen nôm, dùng Hán tự mà phủ dụ người ta nên học quốc-ngữ, đó là mấy kẻ phản gán rất là êm.

« Trong các quan An-nam kẻ hay chữ nho mà hay cả chữ cũng nhiều chứ có ít đâu, nhưng mà ông này kiêu được cả hai tài ấy, đến lúc này cũng có ý rập cái tài nôm là tài dễ đi, mà coi cho cái tài khó này ra mà thôi.

« Thành ra thực vụ quốc-văn, đăng vào phe quốc-văn chỉ có học Tây-học.

Trong đám Tây-học thì mấy người biết chữ nho mà nguyên âm mình thì ngiêng, phạm văn chương nôm, muốn đàm luận đến những việc hơi cao một chút phải có phe chữ Hán mới xong.

vì chữ Hán đã thêm nhiều vào tiếng An-nam mình. Thành ra đảng quốc văn ta vẫn kém lực, kém nhưng chữ không đến nỗi phải đành thôi, vì sự học quốc-ngữ là một sự bất-dã bất-nhân, là một việc sống chết của nước Nam ta.

« Về gì các bậc học sinh trong nước Nam, ông này cũng lo việc gây văn chương của nước mình và đồng tình với bọn quan (D. P. C.) sẽ lột lòng mà giúp cho bọn quan thành được việc hay và có ích lâu dài cho người An-nam ấy. »

(Còn nữa)
LE THANH

(1) Đăng nguyên văn trong Báo công báo số 813 và 814 ngày 15 và 22 acul 1907.

ĐÓN CỎI BÀI

« Khiu đáp ông Lê Văn trong báo quốc gia »

của Lĩnh Đền
Nguyễn Văn Minh

Đón coi :

QUANG - TRUNG TẬP II

của Học-Bảng Hoàng-thức Truân

Sách dạy hơn 300 trang có nhiều tài liệu quý giá về văn Trung lang Trích, biểu đời đất, b.ê.a của hôn với công chúa Mãn-Thanh, tiền đồ 19 đời b.ê.giờ cùng nhiều tranh phụ bản kèm theo để học sinh được hiểu rõ các bài học thêm học-tự.

Quyển thứ II này mới là thời kỳ hoạt động p. n. l. của Quang-Trung và là một công trình biên khảo công phu của tác giả.

Sẽ ra vào đầu tháng Acul 1944

Giá : 8 \$ 0 0

Vết thư về cho :

TRỊNH-NH-Ư-LUÂN
121, Chancelme - Hanoi

Giới thiệu

Trước khi ghi lời cảm ơn, chúng tôi xin trước hết giới thiệu hai cuốn sách vừa nhận tặng đây, với các bạn đọc quý mến :

I) Văn học và triết luận của Mộng Sơn, Đại học thư xã xuất bản đây 122 trang, giá 2\$50.

Đời nổi bật sắc và danh của nhà nữ sĩ có lẽ ông ấy, 14 cuốn sách — đủ cả mọi loại như thi-ca, tiểu thuyết, giáo dục, sử học, từ ngữ học và triết học — được phê bình rất đáng chú ý.

Tựu trung có mấy thiên phê bình này xuất sắc :

Xuân thu nhũ lập (tr. 89 - 99)

Kinh cầu lục (tr. 101 - 110)

Mặc tử (tr. 111 - 122)

Phê bình *Mặc tử* (của Ngô Tất Tố), bình giả vế :

(... ông (Ngô) đã chịu ảnh hưởng sâu xa của bác-sĩ Hồ Thích.... ông đã mượn rất nhiều vốn của tác giả *Trung quốc triết học sử đại cương*) Rồi bình giả khám phá ra rằng từ thiên « Luận lý học của Mặc-tử » đến thiên « Tại sao Mặc-tử diệt vong » trong sách *Mặc tử* của ông-Ngô đều là những « phản ảnh của những mục này » trong sách của Hồ Thích : « Mặc

tử đích triết học phương pháp... « Mặc học kết luận » v.v. (V.H.V.T.L. tr. 113 - 115). Thế đủ tỏ rằng bình giả cố cặp mắt quán triết tinh tế.

Về *Xuân thu nhũ lập*, nữ sĩ hạ những lời phê bình như : « Là *thực lục trung* hay là *hủ dụ* nào có mới lạ gì hơn *hủ dụ* đâu ! cái học *nhũ lập* có đi vào, có đi ra mà không có tiêu chuẩn, có khác cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng đâu » (V. H. V. T. L. tr. 97)

Với giọng mạnh bạo và đánh thép đại khái như vậy, tôi tưởng, hẳn nam giới cũng ít có cây bút hơn được.

Hiềm rằng đây mới chỉ là mấy lời giới thiệu, nên chúng tôi không thể đi quá hơn nữa.

II) Hoa mộng của Tường Vân — Nhà Thanh tạo, Vinh, xuất bản, sách khổ rộng, dày 87 trang, giá 3\$80. Tập này gồm cả thơ soạn và thơ dịch.

Có những câu đáng đọc như : «... Một lần đánh với Bắc-quân, Nghìn thu đề khách hồng-quân làm gương !

Lá cờ nghĩa sắc vàng còn đỏ, Bóng trắng trong soi tỏ non

sông... »

T. T.

... tiếng Việt-nam

(Tiếp theo trang 13)

Việt-ngữ với tiếng Tàu cũng vậy. Non hai nghìn năm, ta chịu ảnh hưởng Trung-quốc, mà có ai nói ta mượn tiếng Tàu ta hậm-hực không bằng lòng. Ta muốn là người Việt-nam thuần-túy, nhưng đâu có đời được nguồn gốc tiếng Việt-nam. Lòng tự ái nhiều khi làm cho ta nhầm mà không biết. Xưa ta hàn-vi, nhờ được láng-giềng giúp cho ít vốn, nên nay đã trở nên một nhà thương-gia triệu-phủ. Ta không nên cậy tài kinh-doanh mà quên nghĩa cũ tình xưa. Hướng chỉ tiếng Việt-nam, tuy chung một cội rễ với tiếng Tàu (nói thế có nhờ ông Nguyễn-văn-Nho bằng lòng hơn), nhưng hiện nay đã thành ra tiếng riêng của mình. Người Việt-nam nói người Việt-nam hiểu : người Trung-quốc có muốn cũng không có thể nhận là tiếng của họ được.

Một lần nữa, tôi xin Nguyễn-quân bớt giận làm lành. Mục khảo cứu về nguồn-gốc tiếng Việt-nam còn dài, nó cũng quanh đi lộn tại như truyện con voi Việt-nam vậy...

Con voi con voi

Có cái voi đi trước

Hai chân trước đi trước

Hai chân sau đi sau

Còn cái đuôi đi sau rốt

Tôi xin ông Nguyễn-văn-Nho cho tôi kể nốt chuyện con voi, rồi ông hãy phê-bình.

Pnompenh, le 5 Juillet 1944

ĐÀO TRỌNG ĐỦ

2^e édition :

CENT RÉDACTIONS CORRIGÉES AU CERTIFICAT D'ÉTUDES COMPLÉMENTAIRES INDOCHINOISES

par MM. Trần-Huy Cơ et Ng-Huy Hoàng, Instituteurs (Ouvrage adopté par la Commission des manuels scolaires)

Prix 2\$00 — Port recommandé 0\$32

Librairie Đông-Ây, 195 Rue du Colou — Hanoi

Một quyển sách...

(Tiếp theo trang 5)

Thanh-niên có cái thói ản nói hàm-hỗ, nên mới đồ cho người ta, « trích sai »! Thế câu « Thà chết không chịu nhục » và câu « Ne vaudrait-il pas mieux... », ai viết là « Thà chết Chẳng Thà nhục » và « Ne vaudrait-il pas mieux... »? (Thanh niên, số 36, tr. 11). Lại nói trích thiếu »! Đã « trích », sao gọi là « thiếu »? Thế mà dám bẻ vắn người! Thảo nào tục-ngữ có câu « Tay mình những lăm bẻ bẻ, lại càng bó đuộc mà dè tay người »!

Bài làm dở hoặc, mà dám xin đăng lại! Có đoạn cũng thành câu-kệ gì cả, có câu chỉ có hai chữ mà cũng không đặt nổi, như câu: « Vậy thì chữ Thà và chữ Chẳng thà đồng nghĩa với nhau cho nào? Thật vậy » (Thanh niên, số 33, trang 7). Sao đang hỏi « cho nào », lại trả lời là « thật vậy »? Có phải là « ngây-ngò như Xá dai » không? Thế mà dám xin đăng lại!

Đến tục-ngữ cũng không biết dẫn, như câu « Gắn mồm thì đen, gần đến thì sáng » ở Thanh niên, số 36, tr. 11, hay câu này ở Thanh niên, số 33, tr. 6, cũng về bài chữ thà và chẳng thà: « Sau này, nếu liên-sinh nghĩ nên « mắng » nữa, hãy cứ Linh-Chi tôi mà mắng, xin đừng « vu-dũa cả nắm » mà mếch-bụng kẻ vô-cán ». Nếu cái nghĩa thế nào là « gần mồm », thế nào là « vu-dũa », tất phải « rút dây động rừng », phải thí-dụ chủ-bút đã... thế này, thì tự-bút... tất thế kia! Bởi thế, tôi không trả lời những câu ấy. Tôi chỉ bảo cho Thanh-niên

những câu lỗ-bịch như câu này: « Những lý lẽ của ông đồ bình-vực chủ-trương ấy, cũng lần-lần trước sau, như một »! « Chủ-trương ấy » là cái gì? Sao không đỡ Việt-Nam từ-điền ra mà xem? Lại « lý lẽ » là thế nào? Trước sau tôi chỉ dẫn sách và dẫn tự-vị cho Thanh-niên biết chỗ nhầm, không Lỗ việch đến « lý lẽ » nào cả.

Thế mới biết tác-giả bài Thấy đâu nói đó của Thanh-niên không đáng làm bực với báo; nói tiếng Nam còn ngọng, lẫn chữ « nhảm » với chữ « nhảm », chưa hiểu nghĩa những chữ lẫn-luồng, như chữ « trích », chữ « lý lẽ », — làm văn chẳng khác gì người mới tập, như câu « bình-vực chủ-trương ấy », — lại có tình vu khống đồ cho người ta « trích sai » mà chính mình lại hay trích sai!

Nếu Thanh-niên không sửa lại, tôi sẽ dẫn nốt những chỗ sai ngoa, để độc-giả biết hết cái tội cái kém của Thanh-niên.

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

1). Đoạn dưới Thanh-niên lại nói: « Nếu chữ Thà và Chẳng thà mà dùng chung trong một câu, thì nhất định (?) tôi không đồng ý với cậu Ứng-hoà ». Thế ra Thanh-niên « không đồng ý » cả với tự-vị ở Tự-vị Génibrel (tr. 302) và các tự-vị Việt Pháp đến đến chữ « Thà chẳng thà... » là « plutôt... que de », tự-vị Génibrel lại dẫn câu « Thà chết, chẳng thà phạm phạm gì thẹn thẹn xấu hổ » (Plutôt mourir que de se faire). Các sách lấy dịch tục-ngữ ta cũng thế, tôi dẫn thêm câu này ở Thanh-niên ghép chữ « Nguyễn »

cho độc-giả được một trận cười hừ: « Thà chết vâng chớ chớ, chẳng thà chết kìa địa đên... Thà là tam đả, bảy giờ tới trích mảy đoan mảy lấy để trả lời cho những bạn đọc báo đã viết gởi hỏi tôi về cách dùng chữ « chẳng » (ne) trong Pháp-văn. « Depuis les origines de la langue, ne accompagne le verbe dans de très rares propos (ici) par exemple après le verbe craindre. C'est une syntaxe héréditaire. On trouve dès le Roland des exemples où elle est abandonnée; pourtant elle s'est conservée jusqu'à nos jours. Ex: Je crains qu'elle ne soit malade; Cf. prenez garde qu'il ne tombe; Evitez qu'on ne se moque; Il s'en est fallu de peu qu'il ne soit; Il ne viendra pas à moins qu'on ne l'en ait prié. L'usage a introduit ce « a » dans son nom de phrases et syllabes. Ex: Il me tarde déjà que je n'aie des habits raisonnables (M. L. Maréchal, 2). Ce ne n'a plus de valeur négative. Quand réellement on veut exprimer la négation on se sert de ne pas. Ex: Je crains qu'il ne réussisse pas. Ne n'est qu'un sorte de particule motale ajoutée au verbe et dont le sens est si vague qu'elle peut manquer sur sa destination dans des cas. Ce n'est plus qu'un « a » inutile. Elle est souvent à la fin d'une phrase et n'a pas de sens. Ex: Il est ainsi à l'oral de re depuis des siècles. Van elus a donné son nom à l'usage après qu'il ne s'en est plus. Au XVIIIe siècle la proposition seccidaira prenait toujours le « a » modal. Il n'est pas impossible qu'il ne survienne des accidents (M. L. Maréchal, 18); cela n'est pas impossible que Jansénius n'ait pris au sérieux pour la doctrine. P. L. 103). On a répété la chose sans aboutir à contradiction d'usage. Quelle que fût mon opinion sur sa doctrine, je ne pouvais pas nier qu'elle fût orthodoxe (Ass. Cha. radeb. 114). On peut presque dire que ne est un mot gâché » (Bruol, La ponctuation en langue, tr. 325).

2) Thanh-niên đã biết rằng mình có « chữ bọl, chữ sai » tại bài kia, sao lại xin đăng lại? Có lẽ lại đăng lại những « chữ bọl, chữ sai » để làm trò cười cho thiên hạ không?

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Cư

« Khiến nhân tông An-Tư công-chúa
vua Thoát-Hoan, dục thư quốc nạn đã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính lạy hương hồn mẫu thân

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Số 5

Nàng sụp xuống chân Vương.
Chàng nâng nàng dậy và nói :

— Sao công chúa lại thế ? Tình
công chúa mệnh-mạng như trời
bê, tôi là kẻ vô biên, thực không
lả hết được chút tâm thành. nếu
nay mai tấu khúc khái hoàn, tôi
được vô sự, nguyện xin đem thân
khuyến mã đáp ân. Nhưng nếu
rủi ro ngoài trận...

— Tôi đã hiểu ý vương, nhưng
xin vương đừng nói nữa. Tôi đã
quyết một bề.

Ngoài vườn đã tỏ tiếng chim hót
sớm, và qua khe cửa son, đã lọt
lờ mờ ánh sáng bên ngoài. Nàng
nói :

— Sáng rồi. Đêm vui trông quá.
Tôi phải đi thôi, xin cùng công
chúa vĩnh biệt.

Chàng gấp bức thư của An-Tư
tra vào túi gấm bên bức thêu của
mẫu thân chàng, rồi cho vào bọc.
Nàng thồn thừ.

Vậy đã sáng rồi ! Vương đi nhẹ,
tôi một lòng chờ đợi chầu vương
trông nên đàn anh hùng. Vương
đầy uống chén chè cho tỉnh — Tôi
mới pha.

Chàng tiếp lấy, uống ngon và
khoan khoan.

— Đa tạ công chúa. Từ lúc này
quên khuấy đi. Tôi vào đây chào
công chúa, thủy chung muốn lưu
lặng một vài món này. Xuýt nữa
thì không nhớ ra, vì lòng hoang
mang quá.

Chàng lấy ở bọc ra một chiếc
hộp gỗ, chạm trổ rất khéo mở ra,
trông đựng một đôi vòng ngọc
thạch, trân trọng trao cho nàng.

An-Tư tiếp lấy, cảm xúc quá,
không sao nói được. Lâu lâu sẽ nói :

— Đa tạ vương...

— Tôi xin phép công chúa cho
tôi đi. Xuốt đêm thức, công chúa
ngày hôm nay nên ngủ nhiều cho
lại sức, kẻo có hại ngọc thể.

Nàng giúp chàng cho đẩy lên
vai. Chàng cầm tay nàng và nói :

— Công chúa ở lại nhé !

— Vương đi.

Cánh cửa son mở. Trời đã sáng
lờ mờ. Trận gió đêm qua thổi
mạnh, làm rơi hầu hết—cánh hoa
đào nở trước xuân, phủ đặc vườn
như tuyết hồng. Chàng bước ra,
như ngã xuống, một vực sâu lạnh
giá, và nàng tiến chàng đi, như xê
một nửa người. Chàng cao, nên
phải khom khom đi, đỡ những
cánh cây cảnh thấp, chàng không
nhìn lại, luồn qua một cánh đại

rồi biến vào sau một bụi tre ngà.
Nàng vẫn đứng vịn tay vào cửa, đầu
ngả vào tay theo rồi bước tình lang.
Vườn đang dâng nhựa mới, nàng
trông cây cối mung-lung như trong
cơn mưa. Trên cành cây đại, một
đôi vành khuyên nhón như bay riu
riu. Đôi chim dần dần biến đi
trong mắt nàng thành một lửa
tình nhân quần quýt vui cùng tuổi
trò, ý xuân, bên cạnh đào gốc lý,
Đàn đàn bóng ảnh ấy cũng phiêu
diêu, cũng xa xăm xóa hết vì lệ
mờ, và nàng đứng im lìm không
động, đẹp như pho tượng giai
nhân, má, nhưng long lanh như
cánh hoa đào trước mặt...

II

Chiêu Thành vương Trần-Thông
là con cả Thái-úy Khâm-Thiên Đại-
vương Trần-Nhật-Hiệu, Khâm-
Thiên khi mất mới 44 tuổi, sinh
bà được bốn con, cả là Thông,
thứ là Nhiếp, sau là hai người con
gái.

Sinh trưởng ở một gia-đình quý
lộc, sung túc, Trần-Thông tuy mồ
côi cha từ bé, nhưng được dạy
đỗ chu đáo. Bà mẹ là người cương
quyết, thông minh, nên ảnh hưởng
về đường giáo-dục của chàng rất
lớn, Vương cũng có học văn, nhưng
thiên về võ hơn và có một tinh
thần thượng võ rất cao. Nguyên do
cũng vì chung quanh vương, kể
từ các vương hầu cho đến dân
gian ai ai cũng ham luyện tập côn
quyển. Vương tinh thông cả 18
ban võ nghệ, nghe đâu có thầy
giỏi là đi tìm hay đón về nhà.
Thượng mời những dũng sĩ các
nơi đến tỉ thí, ai có môn võ nào
hay là học cho bằng được mới
thôi. Vương lại rất ham đánh vật,
môn thể-thao thịnh hành nhất đời

Trần, mỗi khi cỡi trần đóng khố ra sân vật, ai cũng phải trầm trồ khen ngợi thần lực lực sĩ của chàng: Bắp thịt nở nang, làn da trắng mịn ngăm ngăm, nên trông vững trãi như một pho tượng đồng. Tính chàng lại hiếu thắng, không chịu thua ai, trong các cuộc tranh-dấu bao giờ cũng dai và liều, đối-phương nhiều khi bị thua vì thế, không những trăm luyện tập thân thể, chàng còn săn bắn bói bói, hăm sạp bắn, thường đi thám hiểm những hang sâu động lớn, vượt biển đi sông, hoặc lên núi vào rừng, bắt được thú bao đem về luôn luôn.

Là một vị vương tước, chỗ chỉ thân của nhà vua, Trần-Thông được quyền mộ các trai tráng trong vùng làm quan bản bộ. Trước còn vài trăm, sau năm trăm một nghìn, sau nghìn rưỡi, hai nghìn. Chàng lấy hiệu quân « Tinh-cương » của

Đôi lời cảm tạ

Quản lý bếp gọi của bà Văn-Dài, ra đời được các bạn rất hoan nghênh, nên chỉ trong vòng một năm ngày Lam-bằng đã bán hết.

Nhà xuất bản Phụ-nữ, xuất bản cuốn sách đầu tiên, được các bạn chiếu cố như thế, chúng tôi rất lấy làm cảm tạ.

Muốn đến đáp chút ơn tri ngộ, từ nay đến cuối năm, hằng tôi sẽ cố gắng cho xuất bản nhiều cuốn

Khâm-ti-lê: khi trước. Nền nếp cũ khuyến khích sự chỉ bảo của cá vị vương hầu thế họ, và sự đọc sách nói về nghệ thuật đã giúp chàng luyện được một đoạn binh chế luật, có sức tranh đấu rất mạnh, hoàn toàn phụ tùng chàng. Tuy

sách này, đều do những cây bút có lòng nhiệt giúp:

Phụ nữ với cuộc nhân sinh của bà Lê doãn Vỹ
Bà Curie của bà Lê doãn Vỹ
Người Nội trợ của bà Văn Dài
Lửa đời của bà Văn Dài
Đời sống của Victor Hugo của bà Lan Đài Đào sỹ Chu
Bà Huyện Thanh Quan của ô Bằng bá Lữ

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ
118, Duvalier - Hanoi

Giáo dục, tinh thần và địa vị chàng đã dần tạo nên một người dũng kiện, quả cảm, hình người bệ vệ, khỏe khoắn, là nhà cung cấp sang ứng hệ Quốc gia, và có thể gánh vác được những nhiệm vụ khó khăn.

(Con nít)
NGUYỄN HUY TƯỜNG

MUỐN CON HIỀN CHÁU TĐAO
TRONG NHÀ THAI CÓ SÁCH

IAN HIẾU KINH

(có nguyên văn chữ Hán)

Giá: 1 \$ 20

ĐA SỐ BÁN

Du-Thuyết yếu-thuật	3 \$ 80
Lịch-sử Bắc-Chính	2 \$ 00
Nghệ-thuật và danh giáo	2 \$ 50
Phụ-nữ Việt-Nam	2 \$ 50
Khổng-Tử học-thuyết I	4 \$ 50
Việt-Hoa thông-sử sử lược	5 \$ 00

QUỐC-HỌC

THU-XA, HANOI XUẤT-BẢN

Thư-xã Alexandre d Rhodes
Một xuất bản

NOUVELLE TRADUCTION

DU

KIM VĂN KIỆT

của M R

Một bản dịch Pháp văn từ lời nói của anh em
« ĐOÀN TRƯỞNG LÁ V-THANH », một cuốn sách quý cho bạn yêu thơ yêu văn.

bản in mỹ thuật có họa, 150 trang khổ 17x23

bản thường 6\$70, cứng 0\$50

bản giấy 10\$00, cứng 1\$00

LÊN CUNG TRĂNG

Từ Địch dịch từ AL

cuốn Voyage avolo r dela lune của J les Verne
220 trang khổ 17x23, bìa 3 mặt và 26 bức phụ
bản của Mạnh Quỳnh h vẽ.

bản thường 4\$00, cứng 0\$50

bản giấy 12\$10, cứng 1\$00

Tổng phát hành

MAI-LINH

21, Rue des Pipes Hanoi

25 Juillet có bán—

VĂN MINH SỬ

Trong bộ « Nhân Loại tiến hóa sử »
của

NGUYỄN BACH KHOA

- Nhìn suốt con đường tiến hóa của văn minh loài người từ thời thái cổ đến hiện tại.
- Đồ án cơ-cấu thành hình của các yếu tố văn minh như kinh tế, chính trị, tư tưởng, nghệ thuật.
- Khám phá mối quan hệ giữa văn minh phương đông và văn minh tây phương.



Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »
HÀN TI ÚYÊN PHÁT HÀNH
71 Tien tsin Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC**SỬ LU'ỢC**của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của bất cứ ai muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh thời cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại.

Loại thường bán 6\$90 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in **MAI-LINH** Hanoi

do **QUẢNG VẠN THÀNH** phát hành

đã có bán :

LÒNG VÀNG

Ed de Amiels đại văn hào nước Ý soạn
Hải-Hạc dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm-tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4\$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in :

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2\$00

Vì nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944, xin trừ 27%. cước phí không phải chịu.
Vị nào muốn biết nội dung sách, xin cho biết địa chỉ.

Thư từ tiền nong xin gửi :

ô. Nguyễn Văn Minh

Hiện Quảng Vạn Thành - Hanoi, 16 phố Lê Lợi

Haiphong, 52 - Doumer - Hải Phòng Kịch-môn phố Yên Lư

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1944 de M. Le Gouverneur Général

O. ré- gérant . N u 50

-Tà 50-97 Chacsaupma, Hanoi